

BỘ TƯ PHÁP
VỤ PHÁP LUẬT HÌNH SỰ - HÀNH CHÍNH

**SỔ TAY HƯỚNG DẪN CHO CÔNG DÂN THỰC
HIỆN QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN**

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP - 2017

CHỦ BIÊN:

TS. Nguyễn Thị Hạnh

Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

THAM GIA BIÊN SOẠN:

1. TS. Nguyễn Thị Kim Thoa

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

2. TS. Mai Thị Kim Huế

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

3. NCS. Nguyễn Quỳnh Liên

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

4. ThS. Chu Thị Thái Hà

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

5. ThS. Hoàng Thanh Thảo

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

6. ThS. Phạm Thị Hậu

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

7. ThS. Dương Thị Ngọc Chiến

Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp

LỜI GIỚI THIỆU

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản, quan trọng của công dân, được ghi nhận trong nhiều văn kiện quốc tế mà Việt Nam là thành viên, cũng như được khẳng định trong Hiến pháp năm 2013 và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân là điều kiện cần thiết để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp, làm tăng tính hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước; bảo đảm sự dân chủ, công bằng và tăng cường trách nhiệm của công dân; góp phần thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về mở rộng dân chủ, bảo đảm quyền công dân, quyền con người, tạo cơ chế để Nhân dân thực hiện đầy đủ quyền dân chủ, nhất là dân chủ trực tiếp; tạo tiền đề thực hiện các quyền tự do dân chủ khác của công dân được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận.

Ngày 06/4/2016, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Đây là Luật rất quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Để triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, ngày

15/7/2016, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1408/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Ngày 14/3/2017, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 08/CT-TTg về việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin. Theo đó, Bộ Tư pháp được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng sổ tay hướng dẫn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Nhằm giúp cho công dân nắm bắt kịp thời những quy định của Luật Tiếp cận thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo quy định của Luật, đồng thời góp phần tăng cường nhận thức của công dân trong việc thực hiện quyền của mình, Vụ Pháp luật hình sự - hành chính, Bộ Tư pháp tổ chức nghiên cứu, biên soạn cuốn ***“Sổ tay hướng dẫn cho công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin”***.

Cuốn sách được biên soạn lần đầu nên không tránh khỏi những thiếu sót, Nhà xuất bản Tư pháp và các tác giả rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản.

Hà Nội, tháng 12 năm 2017

NHÀ XUẤT BẢN TƯ PHÁP

1. Quyền tiếp cận thông tin và việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là quyền của công dân trong việc tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra và nắm giữ. Song song với quyền tiếp cận thông tin của công dân là trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai thông tin và cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Quyền tiếp cận thông tin là một trong các quyền cơ bản của con người, thuộc nhóm quyền dân sự - chính trị đã được ghi nhận trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp quốc năm 1948, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên. Quyền tiếp cận thông tin tiếp tục được khẳng định trong nhiều điều ước quốc tế khác như Công ước của Liên Hợp quốc về chống tham nhũng năm 2003, Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển năm 1992, Công ước UNECE về tiếp cận thông tin môi trường.

Ở nước ta, Hiến pháp năm 1992 lần đầu tiên xác định quyền được thông tin là quyền cơ bản của công dân. Cụ thể hóa Hiến pháp, cùng với quá trình đổi mới kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật theo các nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, trong những năm qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật có

quy định về thực hiện và bảo đảm thực hiện quyền được thông tin của công dân trong một số lĩnh vực, góp phần xây dựng một xã hội cởi mở hơn về thông tin và một Chính phủ công khai, minh bạch hơn, trách nhiệm giải trình cao hơn trong hoạt động quản lý, điều hành đất nước, góp phần đưa chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” từng bước đi vào cuộc sống.

Hiến pháp năm 2013 kế thừa quy định của Hiến pháp năm 1992 về quyền được thông tin của công dân và sửa đổi thành quyền tiếp cận thông tin của công dân. Đồng thời, Hiến pháp năm 2013 lần đầu tiên quy định các nguyên tắc thực hiện quyền con người, quyền công dân, trong đó có quyền tiếp cận thông tin; khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quy định nguyên tắc quyền con người, quyền công dân *“chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*.

Nhằm thể chế hóa quy định của Hiến pháp đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn tổ chức bảo đảm thực hiện quyền của công dân trong việc tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra và nắm giữ, ngày 06/4/2016, tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Tiếp cận thông tin, có hiệu lực thi hành từ ngày

01/7/2018. Đây là Luật rất quan trọng, tạo khuôn khổ pháp lý cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân và nâng cao tính công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

2. Nội dung của Luật Tiếp cận thông tin

Luật Tiếp cận thông tin quy định về việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân, nguyên tắc, trình tự, thủ tục thực hiện quyền tiếp cận thông tin, trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan nhà nước trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

Như vậy, Luật tập trung vào việc giải quyết những vấn đề liên quan nhằm bảo đảm một người dân bình thường có thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin của mình. Luật được bố cục gồm 5 chương, 37 điều với các nội dung chính như sau:

Chương I gồm các quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin; chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin; thông tin công dân được tiếp cận; thông tin công dân không được tiếp cận; thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện; quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin; phạm vi và trách nhiệm cung cấp thông tin; cách thức tiếp cận thông tin; các hành vi bị nghiêm cấm; chi phí tiếp cận thông tin; giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; khiếu nại,

khởi kiện, tố cáo; xử lý vi phạm; áp dụng pháp luật về tiếp cận thông tin.

Chương II quy định về việc công khai thông tin. Công khai thông tin là việc cơ quan nhà nước chủ động công bố thông tin dưới các hình thức khác nhau để người dân tự do tiếp cận, khai thác và tìm hiểu. Theo đó, Luật quy định về thông tin phải được công khai; hình thức, thời điểm công khai thông tin; công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử; công khai thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo, niêm yết và việc xử lý thông tin không chính xác.

Chương III quy định về cung cấp thông tin theo yêu cầu. Cung cấp thông tin theo yêu cầu là việc cơ quan nhà nước cung cấp thông tin khi được công dân yêu cầu. Khi có nhu cầu tiếp cận những thông tin ngoài thông tin được công khai hoặc thông tin được công khai nhưng vì lý do nào đó mà công dân không thể tiếp cận được, công dân được quyền gửi yêu cầu đến cơ quan nhà nước đã tạo ra hoặc đang nắm giữ thông tin đó cung cấp cho mình thông tin. Chương này gồm các quy định về loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu; hình thức yêu cầu cung cấp thông tin; hình thức cung cấp thông tin theo yêu cầu; tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và từ chối yêu cầu cung cấp thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin trực

tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua mạng điện tử; trình tự, thủ tục cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax và xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác.

Chương IV quy định về trách nhiệm bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Chương này gồm các quy định về các biện pháp bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin; trách nhiệm của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

- Chương V quy định về các điều khoản thi hành, gồm quy định về điều khoản áp dụng và hiệu lực thi hành.

3. Lợi ích của việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Thực hiện quyền tiếp cận thông tin bao hàm việc công dân được quyền tiếp cận và biết được những thông tin của Nhà nước, do cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ và trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Thực hiện quyền tiếp cận thông tin mang lại lợi ích cho cả hai phía Nhà nước và

công dân trên nhiều khía cạnh.

Dưới góc độ kinh tế, việc tăng cường và mở rộng thông tin cũng có nghĩa là tăng cường và nâng cao tri thức, đặc biệt với sự hỗ trợ đắc lực của công nghệ thông tin hiện đại, có thể đem đến những biến chuyển cơ bản trong việc sản xuất sản phẩm và dịch vụ. Thông tin công khai, minh bạch còn giúp cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tin tưởng hơn vào các kế hoạch kinh doanh của mình, xây dựng cho mình các kế hoạch đầu tư dài hạn, điều này đem lại lợi ích to lớn về mặt kinh tế. Bảo đảm quyền tiếp cận thông tin giúp cho các doanh nghiệp giảm thiểu chi phí kinh doanh và các rủi ro khi đầu tư.

Dưới góc độ mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân, việc công khai các thông tin cũng làm thay đổi cơ bản mối quan hệ giữa Nhà nước và công dân. Người dân có đầy đủ các nguồn thông tin giúp họ đóng vai trò chủ động hơn trong xã hội. Người dân cũng tin tưởng hơn vào Nhà nước và sẵn sàng, chủ động đóng góp xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật.

Về mặt chính trị - xã hội, việc công khai thông tin bảo đảm cho quyền tiếp cận công bằng của người dân, tăng lòng tin của người dân đối với Nhà nước và chế độ chính trị, mở rộng các hoạt động chính trị - xã hội và làm cho đất nước ngày một phồn thịnh, an ninh trật tự. Các nhóm lợi ích trong

xã hội được duy trì và công bằng, hài hòa hóa, cùng giúp nhau phát triển.

Về mặt hiệu quả quản lý nhà nước, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin làm cho người dân tham gia một cách chủ động hơn vào hoạt động quản lý nhà nước, làm tăng tính trách nhiệm của công dân cũng như các cơ quan công quyền, làm xã hội trở nên năng động và phát triển hơn.

Bên cạnh đó, việc bảo đảm cơ chế tiếp cận thông tin cũng thiết lập cơ chế giám sát có hiệu quả từ công chúng tới các hoạt động của cơ quan công quyền, đặc biệt là các cơ quan hành chính, qua đó, các cơ quan này cũng sẽ hoạt động hiệu quả và trách nhiệm hơn.

Về mặt xã hội, người dân có thể tự mình cải thiện cuộc sống vật chất, tinh thần, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi có điều kiện tiếp cận đầy đủ thông tin.

4. Các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về việc tiếp cận thông tin và việc áp dụng Luật Tiếp cận thông tin

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta, Luật Tiếp cận thông tin không phải là văn bản đầu tiên có quy định về quyền tiếp cận thông tin của công dân. Văn bản có giá trị pháp lý cao nhất là Hiến pháp đã ghi nhận quyền được thông tin của công dân từ những năm 1992. Tuy nhiên, quy

định này được đánh giá là chưa thực sự đầy đủ, chưa hoàn thiện và đặt công dân vào thế bị động trong tiếp cận thông tin. Hiến pháp năm 2013 đã kế thừa quy định này và phát triển lên một bước, theo đó quyền tiếp cận thông tin của công dân được ghi nhận, bao gồm quyền của công dân tự do trong việc tiếp cận các thông tin do Nhà nước công khai và quyền được chủ động yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin khi họ có nhu cầu tiếp cận thông tin.

Trên cơ sở quy định của Hiến pháp năm 2013, trước khi Luật Tiếp cận thông tin được ban hành, trong hệ thống pháp luật đã có nhiều văn bản quy phạm pháp luật ở nhiều cấp khác nhau quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc công khai thông tin và quy định quyền của công dân, đặc biệt những người có liên quan trong các vụ việc cụ thể thuộc các lĩnh vực pháp luật chuyên ngành, được yêu cầu cơ quan nhà nước phụ trách quản lý ngành, lĩnh vực cung cấp thông tin.

Kết quả rà soát năm 2015 trên gần 20 lĩnh vực pháp luật cho thấy, có hơn 80 văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có gần 40 luật, pháp lệnh có quy định về việc công khai và cung cấp thông tin cho công dân. Tuy nhiên, các quy định về tiếp cận thông tin trong các văn bản pháp luật nói trên còn tản mạn, có văn bản quy định tương đối đầy đủ về chủ thể, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin nhưng cũng có những văn bản

chưa có quy định, quy định chưa rõ hoặc quy định chưa phù hợp về trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, dẫn đến thực tế thông tin được công khai nhưng người dân vẫn khó tiếp cận.

Luật Tiếp cận thông tin là văn bản đầu tiên trong hệ thống pháp luật có quy định mang tính chung nhất về việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Do vậy, khẳng định giá trị và ý nghĩa của Luật Tiếp cận thông tin trong hệ thống pháp luật. Luật Tiếp cận thông tin quy định: Luật này áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân. Theo tinh thần đó thì các quy định của Luật Tiếp cận thông tin sẽ được áp dụng như sau:

Trong trường hợp các luật khác có quy định về tiếp cận thông tin nhưng chưa đầy đủ, chưa hoàn thiện thì các quy định của Luật Tiếp cận thông tin được áp dụng như phần bù vào các quy định còn thiếu, còn chưa hoàn thiện của các văn bản khác.

Trong trường hợp các luật khác có quy định về tiếp cận thông tin nhưng các quy định đó trái với nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quy định tại Điều 3 của Luật Tiếp cận thông tin thì áp dụng các quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Trong trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông tin mà không trái với các nguyên tắc quy định tại Điều 3 của Luật Tiếp cận thông tin thì được thực hiện theo quy định

của luật đó.

5. Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin

Tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của công dân được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận, một quyền nền tảng và quan trọng để bảo đảm thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác của công dân. Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp, Luật Tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc mọi công dân bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin. Nhằm nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin, Luật quy định nguyên tắc thông tin được cung cấp phải chính xác, đầy đủ; việc cung cấp thông tin phải kịp thời, công khai, minh bạch, thuận lợi cho công dân; đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, nhằm quán triệt và thể hiện rõ nội dung, tinh thần của Hiến pháp năm 2013 về trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền cơ bản của công dân, Luật Tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc việc hạn chế quyền tiếp cận thông tin phải do luật định và chỉ được thực hiện trong các trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân không được xâm phạm lợi ích quốc

gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác.

Ngoài ra, để bảo đảm mọi công dân được tạo điều kiện thuận lợi nhất trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, nhất là đối với các đối tượng có điều kiện khó khăn, Luật Tiếp cận thông tin quy định nguyên tắc Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật, người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

6. Tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn

Tiếp cận thông tin là quyền công dân được Hiến pháp ghi nhận. Về nguyên tắc, Nhà nước có trách nhiệm áp dụng các biện pháp khác nhau nhằm bảo đảm công dân thực hiện quyền này một cách hiệu quả trên thực tế. Tuy nhiên, bên cạnh tiếp cận thông tin, Nhà nước cũng có trách nhiệm thi hành các biện pháp nhằm bảo vệ các quyền và lợi ích quan trọng khác. Bên cạnh đó, thực hiện quyền tiếp cận thông tin cũng phải bảo đảm sự tương quan với khả năng và điều kiện thực tế. Việc công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin đòi hỏi phải đặt trong mối quan hệ hài hòa với việc tôn trọng và không được xâm hại tới các quyền và lợi ích hợp pháp khác. Chính vì thế, tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn.

Giới hạn của quyền tiếp cận thông tin được thể hiện trên

nhiều khía cạnh. Đó là giới hạn về chủ thể cung cấp thông tin, chủ thể tiếp cận thông tin. Theo đó, chủ thể cung cấp thông tin được tập trung vào các cơ quan nhà nước mà chưa mở rộng đến các đối tượng khác như các cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước hay các đơn vị tư nhân được giao thực hiện các nhiệm vụ của nhà nước theo hợp đồng. Chủ thể tiếp cận thông tin chủ yếu là công dân, người nước ngoài chỉ được tạo điều kiện yêu cầu thông tin trong một số trường hợp.

Giới hạn quan trọng đối với quyền tiếp cận thông tin là phạm vi thông tin được tiếp cận. Phạm vi thông tin được tiếp cận loại trừ các thông tin mà việc cung cấp có thể gây hại đối với các lợi ích quan trọng mà Nhà nước có trách nhiệm bảo vệ như thông tin bí mật nhà nước, thông tin mà việc cung cấp có thể gây nguy hại cho Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Một giới hạn quan trọng khác đối với quyền tiếp cận thông tin là yêu cầu cung cấp thông tin có thể bị từ chối khi thuộc các trường hợp cụ thể. Luật Tiếp cận thông tin quy định rõ các trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối, theo

đó, cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin nếu thông tin không thuộc diện cung cấp, nếu yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng của cơ quan hoặc làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu...

7. Điều kiện của việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin

Hiến pháp năm 2013 thể hiện một bước tiến mới quan trọng trong việc ghi nhận và bảo đảm thực hiện quyền công dân, quyền con người. Tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp quy định: *“Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”*.

Tại Hiến pháp năm 2013, tiếp cận thông tin được ghi nhận là một trong những quyền cơ bản của công dân. Do vậy, việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin cũng chỉ được thực hiện khi đáp ứng các điều kiện cơ bản sau:

- Việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin là cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.

- Việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin phải do luật định, có nghĩa là chỉ có Quốc hội mới có thẩm quyền giới hạn

quyền tiếp cận thông tin và những giới hạn này phải được thể hiện trong các quy định của văn bản luật.

8. Khái niệm thông tin

Luật Tiếp cận thông tin quy định: Thông tin là tin, dữ liệu được chứa đựng trong văn bản, hồ sơ, tài liệu có sẵn, tồn tại dưới dạng bản viết, bản in, bản điện tử, tranh, ảnh, bản vẽ, băng, đĩa, bản ghi hình, ghi âm hoặc các dạng khác do cơ quan nhà nước tạo ra.

Thông tin theo quy định của Luật phải đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Được hình thành thông qua việc soạn thảo, chế tạo, sản xuất, thu thập, tập hợp, lưu giữ.
- Hàm chứa tin tức, dữ liệu về một, một số vấn đề cụ thể nào đó.
- Được chứa đựng dưới những hình thức nhất định. Các hình thức chứa đựng thông tin có thể đa dạng, nhưng phải mang tính hữu hình mà con người có thể nghe, nhìn được.
- Được tạo ra bởi cơ quan nhà nước.

Như vậy, thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin không phải là thông tin nói chung, thông tin được lưu giữ trong suy nghĩ, thông tin truyền miệng hay các thông tin do chủ thể ngoài Nhà nước tạo ra không liên quan đến chức

năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước.

9. Khái niệm thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra

Luật Tiếp cận thông tin quy định: Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là tin, dữ liệu được tạo ra trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản.

Thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra là thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin và đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Được tạo ra theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục do pháp luật có liên quan quy định trong quá trình cơ quan nhà nước thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Được tạo ra bởi cơ quan nhà nước, liên quan đến việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước, gồm: thông tin do các bộ phận, đơn vị chức năng của cơ quan nhà nước trực tiếp tạo ra; thông tin được tạo ra cho cơ quan nhà nước; thông tin do cá nhân cán bộ, công chức thuộc một cơ quan nhà nước tạo ra theo nhiệm vụ được giao nhằm phục vụ việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin.

- Được chứa đựng, lưu giữ dưới những hình thức nhất

định.

- Được người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước đó ký, đóng dấu hoặc xác nhận bằng văn bản. Điều này một mặt bảo đảm rằng thông tin đó là “sản phẩm” chính thức mà không phải đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện. Mặt khác, ràng buộc cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin phải bảo đảm tính chính thức, chính xác của thông tin được cung cấp.

Như vậy, thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin là thông tin phải được chứa đựng trong hồ sơ, tài liệu, do cơ quan nhà nước tạo ra trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định.

10. Những loại thông tin công dân được tiếp cận

Thông tin công dân được tiếp cận là tất cả thông tin của cơ quan nhà nước theo quy định của Luật, trừ thông tin công dân không được tiếp cận quy định tại Điều 6 và được tiếp cận có điều kiện đối với thông tin quy định tại Điều 7 của Luật Tiếp cận thông tin.

11. Những loại thông tin công dân không được tiếp cận

Thông tin công dân không được tiếp cận bao gồm:

- Thông tin thuộc bí mật nhà nước, bao gồm những thông tin có nội dung quan trọng thuộc lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác theo quy định của luật.

Đối với thông tin thuộc những loại trên, công dân không được tiếp cận, theo đó, cơ quan nhà nước không công khai thông tin để công dân tiếp cận hoặc nếu công dân yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thì yêu cầu của công dân sẽ bị từ chối.

- Thông tin mà nếu để tiếp cận sẽ gây nguy hại đến lợi ích của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, quan hệ quốc tế, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng; gây nguy hại đến tính mạng, cuộc sống hoặc tài sản của người khác; thông tin thuộc bí mật công tác; thông tin về cuộc họp nội bộ của cơ quan nhà nước; tài liệu do cơ quan nhà nước soạn thảo cho công việc nội bộ.

Trong trường hợp này, công dân không được tiếp cận thông tin nếu cơ quan nhà nước qua phân tích, đánh giá thấy rằng việc cung cấp thông tin là có hại đối với các lợi ích hợp pháp mà Nhà nước và pháp luật bảo vệ.

12. Những loại thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện

Những loại thông tin dưới đây công dân được tiếp cận có

điều kiện:

- Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được tiếp cận trong trường hợp chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó đồng ý.

Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

Tuy nhiên, không phải mọi thông tin có đặc điểm như trên được coi là thông tin bí mật kinh doanh được bảo hộ. Thông tin bí mật kinh doanh chỉ được bảo hộ nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Thông tin đó không phải là hiểu biết, kiến thức thông thường;

+ Thông tin đó có khả năng được áp dụng trong kinh doanh và khi được sử dụng sẽ tạo cho người nắm giữ thông tin đó lợi thế hơn so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng nó;

+ Thông tin đó phải được chủ sở hữu bảo mật bằng các biện pháp cần thiết để không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

Các thông tin bí mật như bí mật về nhân thân, bí mật nhà nước; bí mật về quốc phòng, an ninh hay thông tin bí mật khác không liên quan đến kinh doanh thì không được bảo hộ với danh nghĩa bí mật kinh doanh.

Việc tiếp cận thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh tạo ra nguy cơ bị tiết lộ cho người khác, do vậy, cần phải được sự đồng ý của chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó, trừ trường hợp cung cấp thông tin thuộc bí mật kinh doanh vì lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng.

- Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được tiếp cận trong trường hợp được người đó đồng ý; thông tin liên quan đến bí mật gia đình được tiếp cận trong trường hợp được các thành viên gia đình đồng ý.

Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân thông thường được hiểu là các thông tin, dữ liệu liên quan đến chính bản thân họ về đời sống cá nhân và tình trạng sức khỏe của họ.

Cho đến nay, mặc dù có nhiều văn bản quy phạm pháp luật, kể cả văn bản có giá trị pháp lý cao như Hiến pháp, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Luật Giao dịch điện tử, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân... có quy định về bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình nhưng pháp luật nước ta vẫn chưa có quy định rõ ràng, thống nhất về khái niệm, phạm vi của bí mật đời tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình là như thế nào.

Thực tiễn khoa học pháp lý cũng như thi hành pháp luật ở nước ta cũng chưa có sự thống nhất về khái niệm thông tin bí mật đời tư, bí mật cá nhân. Từ quy định của một số văn bản

quy phạm pháp luật có liên quan cho phép hiểu thông tin bí mật đòi tư là những thông tin có liên quan đến cuộc sống của một cá nhân nhất định mà cá nhân đó thấy rằng cần thiết và mong muốn giữ bí mật, còn bí mật cá nhân là thông tin liên quan đến bản thân mà cá nhân đó không cho ai biết và luôn muốn giữ bí mật; bí mật gia đình là những thông tin liên quan đến một gia đình mà các thành viên trong gia đình không muốn tiết lộ cho người khác ngoài phạm vi gia đình.

13. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin

Luật Tiếp cận thông tin quy định các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, trừ trường hợp thông tin công dân không được tiếp cận. Trong trường hợp thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra thuộc thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện thì cơ quan nhà nước cũng có trách nhiệm cung cấp thông tin đó khi có đủ điều kiện theo quy định.

Như vậy, Luật quy định trách nhiệm cung cấp thông tin đối với tất cả các cơ quan nhà nước thuộc hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Về cơ bản, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm trực tiếp cung cấp thông tin do mình tạo ra. Tuy nhiên, có một số cơ quan nhà nước do tính chất hoạt động đặc thù mà không thể

trực tiếp thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin, vì vậy Luật giao một số cơ quan nhà nước có liên quan ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra còn phải cung cấp các thông tin do cơ quan khác tạo ra. Cụ thể:

- Văn phòng Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử quốc gia tạo ra.

- Văn phòng Chủ tịch nước có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chủ tịch nước tạo ra.

- Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tạo ra.

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội có trách nhiệm cung cấp thông tin do Đoàn đại biểu Quốc hội tạo ra.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tạo ra.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tạo ra.

- Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm cung cấp thông tin do Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các cơ quan của Hội

đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tạo ra.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã, Luật quy định ngoài trách nhiệm cung cấp thông tin do mình tạo ra, Ủy ban nhân dân cấp xã còn có trách nhiệm cung cấp thông tin do mình nhận được từ cơ quan khác để trực tiếp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; cung cấp cho công dân khác các thông tin do mình nắm giữ trong trường hợp liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Ngoài ra, do đặc thù về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cũng như các thông tin do các cơ quan này tạo ra, Luật Tiếp cận thông tin quy định cho phép Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trực tiếp quy định về đầu mối thực hiện cung cấp thông tin trong hệ thống tổ chức của mình.

14. Quyền tiếp cận thông tin được quy định đối với công dân

Cụ thể hóa quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin của công dân, Luật Tiếp cận thông tin quy định chủ thể thực hiện quyền tiếp cận thông tin là công dân, bao gồm cả công dân Việt Nam đang định cư ở nước ngoài.

Quyền tiếp cận thông tin của công dân bao gồm việc tự do tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước công khai; yêu

cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin và sử dụng thông tin phục vụ các nhu cầu cụ thể của mình.

Luật Tiếp cận thông tin cũng quy định việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của nhóm đối tượng là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và người dưới 18 tuổi. Theo đó, những đối tượng này thực hiện quyền tiếp cận thông tin thông qua người đại diện theo pháp luật, người giám hộ trừ trường hợp pháp luật liên quan có quy định khác.

Nhằm bảo đảm mọi công dân đều bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật Tiếp cận thông tin cũng quy định phải thực hiện các biện pháp riêng để bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người khuyết tật, người sinh sống ở vùng biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Theo đó, cơ quan nhà nước phải xác định hình thức công khai thông tin phù hợp với khả năng, điều kiện tiếp cận thông tin của công dân. Trong trường hợp thông tin được cung cấp theo yêu cầu thì cơ quan nhà nước cũng cần phải thực hiện các biện pháp hỗ trợ người yêu cầu cung cấp thông tin là người khuyết tật, người không biết chữ như điền giúp các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin. Cơ quan cung cấp thông tin có trách nhiệm đa dạng hóa các hình thức, phương thức cung cấp thông tin phù hợp với khả năng tiếp cận của

người yêu cầu cung cấp thông tin; bố trí thiết bị nghe - xem và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật, ưu tiên cung cấp thông tin cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về người khuyết tật.

15. Công dân được yêu cầu cung cấp thông tin qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp

Luật Tiếp cận thông tin quy định: Công dân có thể yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp của mình trong trường hợp nhiều người của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó cùng có yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau.

Việc yêu cầu cung cấp thông tin của công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp được thực hiện trong trường hợp nhiều người trong tổ chức có cùng nhu cầu tiếp cận đối với một loại thông tin và cùng mục đích, lý do yêu cầu cung cấp thông tin. Tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm cử người đại diện để thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin. Người đại diện có trách nhiệm lập danh sách những người có cùng yêu cầu cung cấp thông tin giống nhau, gửi Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin kèm theo danh sách những người yêu cầu đến cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin và thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định.

16. Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin, một số biện pháp sau đây được đề xuất triển khai thực hiện:

- Việc cung cấp thông tin được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với các đối tượng, điều kiện khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bao gồm:

- + Thông qua Trang/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước (nếu có);

- + Thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình và các hệ thống truyền phát tin khác của địa phương; các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và các phương tiện thông tin đại chúng khác tại địa phương;

- + Xây dựng tài liệu chuyên đề, tờ rơi, ấn phẩm; trong trường hợp cần thiết và khả thi thì có thể được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc;

- + Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin cho công dân; chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động cung cấp thông tin cho các khu vực biên giới,

hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

+ Lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương, trong kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách mới của các cơ quan nhà nước trên địa bàn;

+ Tăng thời lượng truyền, phát bản tin đối với loại thông tin liên quan đến cơ chế, chính sách của người dân sinh sống tại khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Căn cứ vào loại thông tin, đối tượng cần cung cấp thông tin và tình hình thực tế, cơ quan nhà nước trên địa bàn cần quyết định lựa chọn một hoặc các hình thức cung cấp thông tin ở trên hoặc các hình thức khác phù hợp với khả năng tiếp cận thông tin của công dân.

- Cơ quan nhà nước cần tạo điều kiện và khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào việc xây dựng hệ thống thông tin công cộng; nâng cấp, đầu tư các trang thiết bị chuyên dùng phục vụ cho hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật liên quan.

17. Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Nhằm tạo điều kiện để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin, một số biện pháp sau đây được đề xuất áp dụng:

- Thông tin liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người khuyết tật phải được kịp thời công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng dưới các hình thức cung cấp thông tin thuận lợi.

- Các Trang/Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước cung cấp chức năng cơ bản để hỗ trợ người khuyết tật tiếp cận, sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông cho việc tiếp cận thông tin đăng tải trên các Trang/Cổng thông tin điện tử phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình.

- Cơ quan cung cấp thông tin cần đa dạng hóa các hình thức, phương thức cung cấp thông tin phù hợp với khả năng tiếp cận của người yêu cầu cung cấp thông tin; bố trí thiết bị nghe - xem và các thiết bị phụ trợ phù hợp với dạng và mức độ khuyết tật, phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ quan mình.

- Cơ quan cung cấp thông tin bố trí cán bộ hướng dẫn, giải thích và giúp đỡ người mù chữ, người khuyết tật gặp khó khăn trong việc điền Phiếu, ký Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin hoặc khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, đồng thời,

cung cấp một bản sao Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

- Lồng ghép các kiến thức, kinh nghiệm cung cấp thông tin đối với người khuyết tật trong các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ chuyên môn cho bộ phận đầu mối và cán bộ đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan.

- Ưu tiên cung cấp thông tin cho người khuyết tật theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và pháp luật về người khuyết tật.

18. Người nước ngoài được yêu cầu cung cấp thông tin trong một số trường hợp cụ thể

Trong xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác, thu hút đầu tư nước ngoài, một số lượng lớn nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam làm ăn, sinh sống, người Việt Nam định cư ở nước ngoài có quốc tịch nước ngoài về Việt Nam đầu tư, kinh doanh, họ cũng có nhu cầu được tiếp cận thông tin để phục vụ quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

Việc tiếp cận các thông tin công khai rộng rãi theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin của người nước ngoài là không bị giới hạn và được thực hiện tương tự như công dân Việt Nam.

Tuy nhiên, đối với các thông tin cung cấp theo yêu cầu,

để phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền tiếp cận thông tin của công dân và phù hợp với điều kiện thực tiễn ở Việt Nam, Luật Tiếp cận thông tin quy định chỉ cho phép người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có quyền yêu cầu cung cấp thông tin liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ.

19. Cách thức tiếp cận thông tin

Công dân được tiếp cận thông tin bằng các cách thức sau:

- Tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai.

Đây là cách thức công dân tự mình tìm kiếm và khai thác các thông tin mà cơ quan nhà nước chủ động công khai rộng rãi. Luật Tiếp cận thông tin quy định rõ những loại thông tin cơ quan nhà nước phải công khai, các hình thức công khai thông tin. Do vậy, thực hiện theo cách thức này khi công dân có nhu cầu được biết thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra, nắm giữ, họ sẽ tìm kiếm và tiếp cận thông tin qua các kênh, các hình thức cơ quan nhà nước công khai thông tin mà không cần đến cơ quan nhà nước để hỏi thông tin.

- Yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Về cơ bản, cơ quan nhà nước chủ động công khai rộng rãi thông tin để công dân tự do tiếp cận và khai thác thông tin. Tuy nhiên, đối với một số trường hợp vì những lý do

khách quan nào đó mà công dân không thể tiếp cận thông tin được công khai hoặc có một số loại thông tin không cần thiết hoặc không nên phổ biến. Trong các trường hợp này, để có được thông tin, công dân có thể yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin mà họ muốn tìm kiếm. Cơ quan nhà nước sẽ xem xét và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

20. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin

Trong tiếp cận thông tin, công dân có những quyền sau:

- Được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời;

Được cung cấp thông tin đầy đủ có nghĩa là công dân được cung cấp thông tin với nội dung toàn vẹn, không bị cắt xén. Công dân được cung cấp thông tin được chứa đựng dưới hình thức phù hợp để họ có thể tiếp cận thông tin với đầy đủ các nội dung mà thông tin truyền tải. Tuy nhiên, điều này loại trừ trường hợp thông tin có chứa nội dung cần phải giữ bí mật và cơ quan nhà nước phải rà soát, loại bỏ trước khi công khai, cung cấp thông tin.

Được cung cấp thông tin chính xác có nghĩa là công dân được cung cấp thông tin với nội dung giống như nội dung sau khi thông tin được tạo ra. Thông tin được cung cấp không thay đổi về nội dung và trong phần lớn các trường hợp, không

thay đổi về hình thức chứa đựng thông tin. Được cung cấp thông tin chính xác cũng bao hàm việc trong trường hợp thông tin đã được công khai hoặc cung cấp bị phát hiện là không chính xác thì công dân có quyền thông báo với cơ quan nhà nước và cơ quan nhà nước có trách nhiệm xử lý để công khai, cung cấp thông tin chính xác cho công dân. Cơ quan nhà nước cũng có trách nhiệm bảo đảm tính chính xác của thông tin được công khai, cung cấp, nếu phát hiện thông tin không chính xác thì phải kịp thời xử lý.

Được cung cấp thông tin kịp thời có nghĩa là công dân được tiếp cận thông tin sớm nhất khi có thể. Để bảo đảm quyền của công dân, cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin cho công dân càng sớm càng tốt trong thời hạn mà pháp luật quy định và phù hợp với điều kiện thực tế về tính chất, hình thức chứa đựng thông tin và điều kiện thực tế của cơ quan. Về nguyên tắc, cơ quan nhà nước phải tích cực, nhanh chóng công khai, cung cấp thông tin cho người dân, trường hợp thấy cần gia hạn thì phải thông báo.

- Khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Trong quá trình tiếp cận thông tin, công dân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định của cơ quan nhà nước hoặc quyết định, hành vi của người có thẩm quyền của cơ quan nhà nước mà họ cho rằng không thỏa đáng hoặc vi phạm

pháp luật. Về cơ bản, quyết định, hành vi vi phạm pháp luật bị khiếu nại, khiếu kiện phải liên quan đến việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân đó.

Bên cạnh đó, công dân có quyền tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Hành vi vi phạm pháp luật bị tố cáo có thể là hành vi của cán bộ, công chức của cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin hoặc các chủ thể khác trong xã hội.

Trong tiếp cận thông tin, công dân có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin;

Tiếp cận thông tin bao gồm hai khía cạnh: tự do tiếp cận các thông tin do cơ quan nhà nước chủ động công khai và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo yêu cầu. Tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin được hiểu là bên cạnh việc chấp hành đúng các quy định của pháp luật về phạm vi thông tin được tiếp cận, trình tự, thủ tục tiếp cận thông tin, còn bao hàm việc công dân cần nâng cao ý thức trách nhiệm khi thực hiện tiếp cận thông tin bằng việc không thực hiện các hành vi gây cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước như tấn công làm hỏng hệ thống cung cấp thông tin công khai trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước hay đưa ra những yêu cầu cung cấp thông tin không thiết thực, không thỏa đáng với mục đích, gây nhiễu hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp;

Sau khi có được thông tin thông qua thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân phải tôn trọng nội dung thông tin, không thực hiện bất cứ hành vi nào tác động đến nội dung thông tin nhằm dẫn đến cách hiểu khác. Trong trường hợp pháp luật cho phép việc chia sẻ, truyền đạt lại thông tin đã được cung cấp, công dân có trách nhiệm truyền đạt lại chính xác nội dung thông tin, nếu có bổ sung cách hiểu riêng của mình khi truyền đạt lại thông tin thì phải lưu ý đối với người được chia sẻ, truyền đạt thông tin đó là quan điểm, ý kiến và cách hiểu riêng của mình mà không phải là nội dung thông tin.

- Không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

Quyền tiếp cận thông tin của công dân được bảo đảm thực hiện với điều kiện việc thực hiện quyền đó không được xâm phạm các quyền và lợi ích hợp pháp của người khác được Nhà nước và pháp luật bảo hộ. Do vậy, khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, công dân phải chủ động trong việc tự nhận biết và tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Chẳng hạn, sau khi được cung cấp thông tin có liên quan đến bí mật cá nhân

của một người, công dân không được phát tán, chia sẻ lại thông tin đó cho người khác.

21. Các hành vi bị nghiêm cấm

Trong thực hiện Luật Tiếp cận thông tin luôn luôn có sự tham gia của hai chủ thể là cơ quan nhà nước và công dân tiếp cận thông tin. Luật quy định các hành vi bị nghiêm cấm đối với cả hai chủ thể nói trên.

Đối với cơ quan nhà nước, hành vi bị nghiêm cấm gồm: cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ; trì hoãn việc cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

Đối với cả cơ quan nhà nước và công dân, các hành vi bị nghiêm cấm bao gồm: cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực; cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

Ngoài ra, nhằm bảo vệ cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin cũng như bảo vệ công dân khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin, Luật Tiếp cận thông tin cũng quy định nghiêm cấm hành vi cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

22. Chi phí tiếp cận thông tin

Về nguyên tắc, công dân được cung cấp thông tin không phải trả phí, lệ phí, trừ trường hợp luật khác có quy định. Tuy nhiên, trong trường hợp yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin. Về mức chi phí cụ thể, việc quản lý và sử dụng chi phí cung cấp thông tin, Luật Tiếp cận thông tin giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, việc người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax là một trong những lý do để cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin. Trong trường hợp việc cung cấp thông tin theo yêu cầu làm phát sinh các chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin thì người yêu cầu phải thanh toán các chi phí này trước khi được cung cấp thông tin. Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí tiếp cận thông tin thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể ban hành văn bản từ chối cung cấp thông tin theo yêu cầu.

Tuy nhiên, đối với các trường hợp việc cung cấp thông tin không phát sinh chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin như cung cấp thông tin qua mạng điện tử; cung cấp thông tin

thông qua việc trực tiếp đọc, nghe, xem, ghi chép thông tin tại trụ sở cơ quan hoặc trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin sử dụng điện thoại di động và các phương tiện kỹ thuật khác của cá nhân để sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu thì người yêu cầu cung cấp thông tin không phải thanh toán chi phí tiếp cận thông tin.

23. Xử lý vi phạm trong bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Trong việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin, ngoài hai chủ thể chính là Nhà nước mà cụ thể là người trực tiếp làm nhiệm vụ cung cấp thông tin và công dân còn có sự liên quan của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Vì vậy, Luật Tiếp cận thông tin quy định việc xử lý vi phạm trong bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin như sau:

- Người nào có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người cung cấp thông tin có một trong các hành vi thuộc hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin mà gây thiệt hại thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về

trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

24. Cơ chế giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Nhằm bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân được thực thi hiệu quả, Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ chế giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền bao gồm: cơ chế giám sát có tính quyền lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và cơ chế giám sát có tính xã hội của các thiết chế xã hội khác.

Về cơ chế giám sát có tính quyền lực của cơ quan nhà nước, Quốc hội là cơ quan có thẩm quyền giám sát tối cao đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Ở địa phương, Hội đồng nhân dân giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân; định kỳ hằng năm, xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân cùng cấp về tình hình thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn. Phương thức giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân đối với việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin được thực hiện theo quy định tại Luật Hoạt động giám sát của Quốc

hội và Hội đồng nhân dân.

Bên cạnh các thiết chế giám sát mang tính quyền lực nhà nước, Luật Tiếp cận thông tin còn quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm giám sát xã hội việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân. Việc giám sát của Mặt trận và các tổ chức thành viên được thực hiện theo quy định tại Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

25. Những thông tin mà cơ quan nhà nước công khai để công dân tự do tìm kiếm, tiếp cận

Nhằm tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận thông tin, Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của các cơ quan nhà nước công bố, công khai rộng rãi một số loại thông tin nhất định trên Trang/Cổng thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng và đăng Công báo, niêm yết.

Luật Tiếp cận thông tin quy định các thông tin phải được công khai bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật; văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;
- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế

độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan nhà nước mà đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật; đề án và dự thảo đề án thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về dự toán ngân sách nhà nước; báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước; quyết toán ngân sách nhà nước; dự toán, tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các chương trình, dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; thủ tục ngân sách nhà nước;

- Thông tin về phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định; thông tin về quản lý, sử dụng các khoản cứu trợ, trợ cấp xã hội; quản lý, sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân, các loại quỹ;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công; thông tin về đấu thầu; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; giá đất; thu hồi đất; phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư liên quan đến dự án, công trình trên địa bàn;

- Thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo giám sát tình hình thực hiện công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp và cơ quan nhà nước đại diện chủ sở hữu; thông tin về tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước;

- Thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, thanh tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe của cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc của Nhân dân; nội quy, quy chế do cơ quan nhà nước ban hành;

- Báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; cơ sở dữ liệu quốc gia

ngành, lĩnh vực; thông tin về tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải công khai của cơ quan nhà nước; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Thông tin liên quan đến lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Thông tin về thuế, phí, lệ phí;

- Thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh Luật Tiếp cận thông tin còn nhiều văn bản quy phạm pháp luật riêng lẻ khác quy định về trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong từng mảng, lĩnh vực riêng có trách nhiệm công bố, công khai thông tin. Một số văn bản quy phạm pháp luật liệt kê các thông tin được tiếp cận trong nhiều lĩnh vực, ví dụ như: Luật Báo chí, Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Công nghệ thông tin, Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hệ thống pháp luật cũng còn có các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành liệt kê các thông tin được tiếp cận trong lĩnh vực chuyên ngành như Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Quy hoạch đô thị... Về cơ bản, hầu

hết các thông tin cơ quan nhà nước phải công khai đã được tập hợp và quy định tại Luật Tiếp cận thông tin nhưng vẫn còn có những trường hợp riêng, đặc biệt mà Luật Tiếp cận thông tin chưa bao quát hết được.

Ngoài ra, nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc chủ động công khai các thông tin, Luật Tiếp cận thông tin cũng quy định: Ngoài danh sách các thông tin phải công khai theo quy định của Luật, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động công khai thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ.

Do vậy, để có thể chủ động khai thác triệt để các thông tin do các cơ quan nhà nước công khai, khi có nhu cầu có được thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra, nắm giữ, trước hết người dân nên tìm kiếm trên nền các thông tin đã được công khai. Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm lập danh mục các thông tin được công khai nên việc tìm kiếm thông tin được công khai là khá đơn giản. Trên cơ sở danh mục thông tin được công khai, cũng có thể biết được thông tin được công khai vào thời điểm nào, hình thức công khai là gì. Từ những thông tin cơ bản ban đầu như vậy sẽ tiếp tục tìm kiếm thông tin ở địa chỉ phù hợp như trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan hay trên Công báo.

26. Tiếp cận thông tin được công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử

Luật Tiếp cận thông tin quy định rõ những thông tin mà cơ quan nhà nước phải công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử. Như vậy, trường hợp thông tin cần tiếp cận là các thông tin sau đây, người dân có thể tìm kiếm và tiếp cận trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước:

- Văn bản quy phạm pháp luật; điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên; thủ tục hành chính, quy trình giải quyết công việc của cơ quan nhà nước;

- Thông tin phổ biến, hướng dẫn thực hiện pháp luật, chế độ, chính sách đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan nhà nước;

- Chiến lược, chương trình, dự án, đề án, kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước;

- Thông tin về danh mục dự án, chương trình và kết quả thực hiện đầu tư công, mua sắm công và quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, các nguồn vốn vay;

- Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, sơ đồ tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực

thuộc; địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước, người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin;

- Báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về danh mục và kết quả chương trình, đề tài khoa học;

- Danh mục thông tin phải được công khai, trong đó phải nêu rõ địa chỉ, hình thức, thời điểm, thời hạn công khai đối với từng loại thông tin;

- Các thông tin nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích công cộng, sức khỏe của cộng đồng;

- Các thông tin khác mà pháp luật quy định phải đăng trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử.

Ngoài các thông tin nêu trên, Luật Tiếp cận thông tin cũng quy định căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước chủ động đăng tải thông tin khác do mình tạo ra trên Trang thông tin điện tử, Cổng thông tin điện tử.

Về cơ bản, khi cần tiếp cận thông tin thuộc trường hợp được công khai trên Cổng hoặc Trang thông tin điện tử, người tiếp cận thông tin cần định hình thông tin mình cần tiếp cận do cơ quan nào tạo ra hay nắm giữ. Sau khi định hình được cơ quan tạo ra hoặc nắm giữ thông tin, người tiếp cận thông tin nên truy cập vào Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan đó để tìm kiếm. Có hai cách tìm kiếm phổ biến là:

- Người tiếp cận thông tin truy cập vào Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, tìm danh mục thông tin được công khai, ở đó sẽ có đường dẫn tới thông tin cần tìm kiếm.

- Người tiếp cận thông tin truy cập vào Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước, vào chuyên mục cung cấp thông tin và tìm kiếm theo từ khóa, chẳng hạn tìm Luật Tiếp cận thông tin với từ khóa “tiếp cận thông tin”.

Tuy nhiên, khi tìm kiếm thông tin được công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử cũng cần lưu ý một số trường hợp ngoại lệ. Do thực tế tình hình xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử có sự khác biệt rất lớn giữa các cơ quan nhà nước ở các cấp khác nhau nên Luật Tiếp cận thông tin có những quy định riêng để áp dụng đối với từng trường hợp cụ thể. Theo đó, việc công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện theo kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trường hợp cơ quan nhà nước chưa có Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử, căn cứ vào điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có trách nhiệm công khai thông tin quy định bằng hình thức thích hợp khác.

27. Tiếp cận thông tin được công khai trên các

phương tiện thông tin đại chúng

Nhìn chung, việc công khai thông tin thông qua đăng tải thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử là hình thức công khai vừa nhanh chóng, vừa tiết kiệm đối với cơ quan nhà nước và cũng tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận thông tin một cách thuận tiện và đơn giản nhất. Tuy nhiên, không phải người dân nào ở bất cứ đâu cũng có thể sử dụng mạng điện tử để tiếp cận thông tin. Hơn nữa, ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nơi cơ sở vật chất, kỹ thuật còn thiếu, trình độ dân trí chưa cao, việc công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử chưa phải là một biện pháp hữu hiệu để người dân có thể tiếp cận thông tin.

Vì vậy, để phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, bảo đảm mọi người dân có cơ hội ngang nhau trong việc tiếp cận thông tin, Luật Tiếp cận thông tin quy định: Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời cho cơ quan thông tin đại chúng những thông tin theo quy định của pháp luật phải được công khai trên phương tiện thông tin đại chúng.

Ví dụ, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải được thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương. Do vậy, sau khi ban hành văn bản, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân phải chuyển

văn bản cho các cơ quan thông tin đại chúng trên địa bàn địa phương để công bố rộng rãi đến Nhân dân.

Như vậy, khi thông tin được công bố rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, người dân có thể tiếp cận thông tin. Người dân có thể theo dõi các chương trình, các chuyên mục của đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí... để biết được các thông tin. Tuy nhiên, việc tiếp cận thông tin trong trường hợp này khá mang tính thụ động và người tiếp cận thông tin phải lựa chọn, bố trí thời gian phù hợp để theo dõi việc phát sóng, đăng tải thông tin mà họ quan tâm và muốn tiếp cận.

28. Tiếp cận thông tin được đăng Công báo

Đối với một số thông tin nhất định, người dân có thể tiếp cận qua Công báo.

Luật Tiếp cận thông tin quy định: Việc công khai thông tin bằng hình thức đăng Công báo được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định hai loại Công báo, đó là Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Công báo cấp tỉnh. Theo quy định của Nghị định này thì việc đăng công báo được áp dụng đối với một số loại văn

bản nhất định, chủ yếu là văn bản quy phạm pháp luật và các điều ước quốc tế.

Những văn bản được đăng trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

- Điều ước quốc tế đã có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

- Văn bản bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật.

- Quyết định đình chỉ việc thi hành, quyết định xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật.

- Văn bản đính chính văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành.

- Danh mục văn bản, quy định hết hiệu lực thi hành do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương lập, gửi đăng Công báo.

- Văn bản pháp luật khác do cơ quan nhà nước ở trung ương ban hành. Việc đăng văn bản trong trường hợp này do cơ quan ban hành quyết định.

Những văn bản được đăng trên Công báo cấp tỉnh bao gồm:

- Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

- Văn bản do cơ quan, người có thẩm quyền ở cấp tỉnh xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật.

- Văn bản đính chính văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt ban hành.

- Danh mục văn bản, quy định hết hiệu lực thi hành do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở cấp tỉnh lập, gửi đăng Công báo.

- Văn bản pháp luật khác do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chính quyền địa phương ở đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Việc đăng văn bản trong trường hợp này do cơ quan ban hành quyết định.

Như vậy, khi cần tiếp cận các loại văn bản nêu trên, người dân có thể tự mua Công báo hoặc tìm đọc Công báo từ các nguồn khác như thư viện, tủ sách pháp luật... Việc tìm kiếm có thể dựa trên Danh mục Công báo được xuất bản định kỳ hay căn cứ theo thời gian ban hành văn bản để tìm ra số Công báo phù hợp.

29. Tiếp cận thông tin được niêm yết

Việc công khai thông tin bằng hình thức niêm yết được quy định trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau điều chỉnh các lĩnh vực cụ thể. Chẳng hạn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định về việc niêm yết văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Đất đai quy định về việc niêm yết quy hoạch sử dụng đất đai... Do vậy, trong quá trình thực hiện công khai thông tin, cơ quan nhà nước có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để công khai các thông tin mà pháp luật quy định phải công khai dưới hình thức niêm yết.

Thông thường, thông tin được niêm yết tại trụ sở cơ quan tạo ra thông tin hoặc nơi tập trung nhiều dân cư, điểm sinh hoạt cộng đồng như nhà sinh hoạt văn hóa, bảng tin khu phố, tòa nhà chung cư... Do vậy, khi có nhu cầu cần tiếp cận thông tin, đặc biệt là những thông tin liên quan đến đời sống sinh hoạt ở cấp cơ sở, người dân có thể tìm kiếm các thông tin được niêm yết.

30. Tiếp cận thông tin được công khai qua các hình thức công khai thông tin khác

Ngoài các hình thức công khai thông tin được quy định cụ thể, Luật Tiếp cận thông tin quy định: “*Các hình thức khác*

thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định”. Trên cơ sở quy định này, cơ quan nhà nước được phép căn cứ vào điều kiện thực tế để công khai thông tin thông qua các hình thức khác nhằm bảo đảm thuận lợi cho công dân trong việc tìm kiếm, khai thác và sử dụng thông tin.

Một trong những biện pháp được áp dụng để tạo điều kiện cho người dân ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có thể tiếp cận thông tin là đa dạng hóa và vận dụng linh hoạt các hình thức cung cấp thông tin. Theo đó, cơ quan nhà nước có thể xây dựng tài liệu chuyên đề, tờ rơi, ấn phẩm; trong trường hợp cần thiết và khả thi thì có thể được chuyển tải bằng ngôn ngữ dân tộc; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng để chia sẻ thông tin cho công dân; chia sẻ kinh nghiệm về hoạt động cung cấp thông tin cho các khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của cơ quan, địa phương, trong kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật, truyền thông các chính sách mới của các cơ quan nhà nước trên địa bàn...

Trong điều kiện nhu cầu tiếp cận, sử dụng thông tin của người dân ngày càng cao, các cơ quan nhà nước cũng có thể công khai thông tin thông qua việc phát hành các ấn phẩm đối

với loại thông tin phải được công khai.

Như vậy, ngoài các kênh tiếp cận thông tin mang tính phổ biến ở trên, người dân còn có thể tiếp cận thông tin qua việc tham gia các chương trình sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt cộng đồng hay mua các ấn phẩm do các cơ quan nhà nước phát hành.

31. Thời điểm thông tin được công khai

Việc biết được thời điểm thông tin được công khai là một nhân tố quan trọng để người dân tiếp cận thông tin hiệu quả. Một mặt, người dân nắm được thời gian thông tin được công khai để bố trí thời gian phù hợp cho việc tìm kiếm và tiếp cận thông tin. Mặt khác, giám sát các cơ quan nhà nước có thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công khai thông tin hay không.

Luật Tiếp cận thông tin xác định thời điểm công khai thông tin trên cơ sở các quy định về thời điểm công khai thông tin hiện hành. Theo đó, thời điểm công khai thông tin trong từng lĩnh vực được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Quy định của Luật Tiếp cận thông tin xuất phát từ nguyên tắc Luật áp dụng chung cho việc tiếp cận thông tin của công dân; trường hợp luật khác có quy định về việc tiếp cận thông

tin mà không trái với nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin quy định tại Luật Tiếp cận thông tin thì được thực hiện theo quy định của luật đó. Quy định trên nhằm bảo đảm phù hợp, thống nhất giữa quy định của Luật với các văn bản quy phạm pháp luật khác, cũng như phù hợp với từng loại thông tin trong từng lĩnh vực.

Trong thực tế, trước khi Luật Tiếp cận thông tin được ban hành, hệ thống pháp luật đã có nhiều văn bản quy định về việc công khai thông tin, trong đó quy định cụ thể thời điểm công khai thông tin. Do đó, thời điểm công khai các loại thông tin này sẽ được áp dụng theo quy định của pháp luật hiện hành. Ví dụ: Theo quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật Đất đai năm 2013 thì việc công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất *“được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt”*; hay thời điểm công bố luật, pháp lệnh thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015: *“Chủ tịch nước công bố luật, pháp lệnh chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày luật, pháp lệnh được thông qua”*.

Luật Tiếp cận thông tin cũng có quy định điều chỉnh trong trường hợp pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể về thời điểm công khai thông tin. Theo đó, Luật quy định: *“trường hợp pháp luật chưa có quy định thì chậm nhất là 05*

ngày làm việc kể từ ngày tạo ra thông tin, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải công khai thông tin”.

32. Xử lý thông tin công khai không chính xác và vai trò của công dân trong phát hiện thông tin công khai không chính xác

Về nguyên tắc, thông tin được công khai phải bảo đảm tính chính xác và toàn vẹn như khi thông tin được tạo ra. Tuy nhiên, cũng có trường hợp vì những lý do nhất định thông tin được công khai có thể có những sai sót.

Trong trường hợp phát hiện thông tin được công khai không chính xác thì việc xử lý thông tin được thực hiện như sau:

- Nếu cơ quan nhà nước công khai thông tin phát hiện thông tin do mình tạo ra và đã được công khai không chính xác thì cơ quan đó có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Nếu cơ quan nhà nước phát hiện thông tin do cơ quan khác tạo ra nhưng do mình công khai không chính xác thì cơ quan đã công khai thông tin có trách nhiệm kịp thời đính chính, công khai thông tin đã được đính chính.

- Nếu cơ quan nhà nước phát hiện thông tin do mình tạo ra nhưng được cơ quan khác công khai không chính xác thì cơ quan tạo ra thông tin có trách nhiệm yêu cầu cơ quan đã công

khai thông tin kịp thời đúng chính, công khai thông tin đã được đúng chính.

- Trường hợp công dân cho rằng thông tin công khai không chính xác thì kiến nghị với cơ quan đã công khai thông tin đó. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được kiến nghị, cơ quan đó có trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của thông tin và trả lời cho công dân; trường hợp xác định thông tin công khai không chính xác thì phải kịp thời đúng chính, công khai thông tin đã được đúng chính.

- Thông tin công khai không chính xác bằng hình thức nào thì phải được đúng chính bằng hình thức đó.

Như vậy, theo những quy định ở trên thì công dân cũng giữ vai trò quan trọng trong việc phát hiện và xử lý thông tin công khai không chính xác. Theo đó, kiến nghị của công dân về thông tin không chính xác là một kênh quan trọng để cơ quan nhà nước biết, từ đó có biện pháp kịp thời xem xét và xử lý thông tin không chính xác.

33. Những thông tin công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin

Quy định của Luật Tiếp cận thông tin về phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu của công dân được xây dựng trên cơ sở bảo đảm cho công dân được cung cấp thông tin

phục vụ cho nhu cầu của họ với điều kiện không gây cản trở cho hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước, bảo vệ các thông tin cần được bảo mật, bảo vệ lợi ích cộng đồng và phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay.

Luật Tiếp cận thông tin xác định các loại thông tin được cung cấp theo yêu cầu bị giới hạn trong một phạm vi phù hợp. Các thông tin đó bao gồm:

- Thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 của Luật Tiếp cận thông tin nhưng chưa được công khai, đã hết thời hạn công khai hoặc đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận.

Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin liệt kê những thông tin phải được công khai. Bên cạnh đó, Luật còn có quy định khuyến khích cơ quan nhà nước trên cơ sở điều kiện thực tế chủ động công khai các thông tin khác do cơ quan tạo ra hoặc nắm giữ. Vì vậy, việc xác định các thông tin công dân được yêu cầu cung cấp dựa trên cơ sở sau:

Nếu thông tin được yêu cầu thuộc loại thông tin mà Luật Tiếp cận thông tin quy định phải được công khai (khoản 1 Điều 17) thì công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp khi:

Thông tin đó chưa được công khai: về cơ bản, pháp luật hiện hành, nhất là các văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực cụ thể đã có các quy định về thời điểm công khai thông tin. Một điều hiển nhiên là từ thời điểm khi văn bản

được tạo ra đến thời điểm thông tin được công khai rộng rãi luôn có một khoảng trống về thời gian. Do vậy, trong khoảng thời gian này, công dân có thể yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin đã được tạo ra mà chưa công khai.

Thông tin đã hết thời hạn công khai: đối với một số thông tin phải được công khai (như dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch...) hay trong trường hợp thông tin phải được công khai chỉ được công khai dưới hình thức công khai mà thời hạn công khai không thể lâu dài như hình thức niêm yết hay công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, việc công khai thông tin chỉ được thực hiện trong một thời hạn nhất định. Chính vì vậy, nếu thời hạn công khai thông tin đã hết thì công dân có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

Thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được: lý do bất khả kháng là lý do mà theo đó người dân không thể tiếp cận được thông tin đang được công khai do sự cản trở của các yếu tố bất lợi khách quan bên ngoài mà không phải do mong muốn chủ quan của họ. Các lý do khách quan có thể do điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế, điều kiện sức khỏe...

- Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình đủ điều kiện cung cấp theo quy định của Luật.

Bí mật kinh doanh, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình thuộc loại những lợi ích hợp pháp được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Việc tiếp cận các thông tin này cần bị hạn chế để bảo đảm rằng thông tin không bị tiết lộ gây ảnh hưởng bất lợi cho chủ sở hữu thông tin hay các tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc đi ngược lại mong muốn giữ bí mật thông tin của họ. Khi cơ quan nhà nước nắm giữ thông tin có liên quan đến bí mật kinh doanh, thông tin có liên quan đến bí mật riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, nhìn chung, các chủ sở hữu thông tin, các tổ chức, cá nhân đều mong muốn thông tin được giữ bí mật. Vì vậy, chỉ trong những trường hợp cụ thể và khi đáp ứng các điều kiện luật định các cơ quan nhà nước mới cung cấp thông tin. Các điều kiện đó là:

- + Thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh được cung cấp theo yêu cầu khi việc cung cấp thông tin được chủ sở hữu bí mật kinh doanh đồng ý, điều kiện này bao gồm cả trường hợp cung cấp thông tin cho chính chủ sở hữu thông tin đó hoặc phân tích, đánh giá lợi ích công cộng cho thấy việc cung cấp thông tin về bí mật kinh doanh đó mang lại lợi ích nhiều hơn đối với lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng so với việc không cung cấp thông tin.

- + Thông tin liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân được cung cấp theo yêu cầu khi việc cung cấp thông tin được cá nhân có liên quan đến thông tin đó đồng ý, điều

kiện này bao gồm cả trường hợp cung cấp thông tin cho chính cá nhân có liên quan đến thông tin, hoặc phân tích, đánh giá lợi ích công cộng cho thấy việc cung cấp thông tin đó mang lại lợi ích nhiều hơn đối với lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng so với việc không cung cấp thông tin.

+ Thông tin liên quan đến bí mật gia đình được cung cấp theo yêu cầu khi được các thành viên của gia đình đồng ý, điều kiện này bao gồm cả trường hợp cung cấp thông tin cho các thành viên trong gia đình hoặc phân tích, đánh giá lợi ích công cộng cho thấy việc cung cấp thông tin đó mang lại lợi ích nhiều hơn đối với lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng so với việc không cung cấp thông tin.

- Thông tin liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu cung cấp thông tin nhưng không thuộc loại thông tin phải được công khai theo quy định tại Điều 17 và khoản 2 Điều 23 của Luật Tiếp cận thông tin.

Thông tin có liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu là một phạm vi tương đối rộng, khó có thể khái quát theo những tiêu chí chung. Việc xác định cụ thể thông tin đó công dân có được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp không phải tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể ứng với mỗi thông tin cụ thể và từng người yêu cầu cụ thể. Việc xem xét, đánh giá liệu một thông tin do

cơ quan nhà nước tạo ra hay nắm giữ có liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu hay không phụ thuộc rất lớn vào cách nhìn nhận, đánh giá của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin. Vì vậy, nhằm thuyết phục cơ quan nhà nước, công dân yêu cầu cung cấp thông tin phải trình bày thật rõ lý do yêu cầu cung cấp thông tin, chứng minh rằng thông tin mình yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp có liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của mình.

34. Thông tin công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác

Qua rà soát, đánh giá thực trạng pháp luật về bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân cho thấy, số lượng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định việc cung cấp thông tin theo yêu cầu chưa nhiều và mới chú trọng yêu cầu của cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, quyền yêu cầu cung cấp thông tin của cá nhân thường được quy định đối với các thông tin liên quan trực tiếp đến việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân. Một số văn bản quy phạm pháp luật có quy định về quyền yêu cầu cung cấp thông tin có thể tìm thấy như trong lĩnh vực thuế, đất đai...

Ví dụ: Luật Quản lý thuế năm 2006, sửa đổi, bổ sung

năm 2012 quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế (khoản 1 Điều 6), thông tin liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế (khoản 3 Điều 8); Điều 123 và khoản 1 Điều 124 Luật Đất đai

năm 2013 quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin, dữ liệu về đất đai; khoản 1 Điều 5 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP quy định Văn phòng đăng ký đất đai thực hiện dịch vụ cung cấp thông tin về đất đai theo yêu cầu; Điều 37 Luật Luật sư năm 2006 quy định cung cấp theo yêu cầu thông tin về nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư...

Pháp luật hiện hành cũng quy định cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền sao, chụp văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại nơi lưu trữ văn bản và phải trả chi phí sao, chụp. Công dân có quyền yêu cầu cung cấp thông tin về hoạt động của chính quyền cấp xã theo quy định của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn và Luật Phòng, chống tham nhũng.

Luật Tiếp cận thông tin quy định chung nhất về quyền của công dân trong việc yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin cũng như quy định rõ trình tự, thủ tục cơ quan nhà nước phải thực hiện việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân.

Như vậy, ngoài quy định của Luật Tiếp cận thông tin,

công dân còn có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác. Do vậy, khi cần tiếp cận thông tin trong một lĩnh vực cụ thể, người dân nên bắt đầu từ các quy định của văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để nghiên cứu xem mình có thể yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo quy định của văn bản đó hay không. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật không có quy định về việc công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin thì thực hiện việc yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

35. Thông tin mà cơ quan nhà nước tự quyết định cung cấp theo yêu cầu

Nhằm tăng cường trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu và tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận nhiều hơn các thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra và nắm giữ, Luật Tiếp cận thông tin khuyến khích các cơ quan nhà nước mở rộng phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu.

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, ngoài những thông tin Luật quy định bắt buộc phải công khai, những thông tin được cung cấp theo yêu cầu, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, điều kiện và khả năng thực tế của mình, cơ quan nhà

nước có thể cung cấp thông tin khác do mình tạo ra hoặc nắm giữ. Đây là quyền chủ động của cơ quan nhà nước trong trường hợp xét thấy khả năng thực tế của cơ quan có thể cung cấp nhiều hơn các thông tin do mình tạo ra hoặc nắm giữ mà vẫn bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan và việc cung cấp thông tin là có lợi cho người dân thì cơ quan nhà nước có thể mở rộng phạm vi thông tin được cung cấp theo yêu cầu.

Do đó, khi cần tiếp cận thông tin cụ thể nào đó mà chưa được Luật Tiếp cận thông tin hay văn bản quy phạm pháp luật khác quy định được cung cấp theo yêu cầu, công dân vẫn có thể liên hệ với cơ quan nhà nước tạo ra hoặc nắm giữ thông tin để yêu cầu cung cấp thông tin. Cơ quan nhà nước sẽ xem xét giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin tùy theo điều kiện thực tế của mình và tính chất, tầm quan trọng của thông tin.

36. Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin

Người yêu cầu có thể yêu cầu cung cấp thông tin bằng các hình thức sau đây:

- Trực tiếp hoặc ủy quyền cho người khác đến trụ sở của cơ quan nhà nước yêu cầu cung cấp thông tin.

Khi người yêu cầu trực tiếp đến trụ sở của cơ quan nhà nước để yêu cầu cung cấp thông tin, họ được người tiếp nhận yêu cầu hướng dẫn điền các nội dung vào Phiếu yêu

cung cấp thông tin. Trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin không biết chữ hoặc bị khuyết tật không thể viết yêu cầu thì người tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có trách nhiệm giúp điền các nội dung vào Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin.

- Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin.

Người yêu cầu cung cấp thông tin chuẩn bị Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin theo mẫu và gửi yêu cầu đó đến cơ quan nhà nước. Người yêu cầu cung cấp thông tin có thể gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính hoặc fax.

Tất cả các yêu cầu cung cấp thông tin, dù do người yêu cầu trực tiếp thực hiện hay ủy quyền cho người khác thực hiện, dù đến trực tiếp trụ sở cơ quan để yêu cầu hay gửi qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đều được đối xử ngang nhau. Việc cung cấp thông tin hay từ chối cung cấp thông tin tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể. Việc từ chối cung cấp thông tin chỉ diễn ra khi điều kiện thực tế thuộc các trường hợp từ chối cung cấp thông tin mà Luật Tiếp cận thông tin đã quy định. Việc thông tin được cung cấp nhanh hay chậm là tùy thuộc vào tính chất và sự phức tạp của thông tin.

37. Chuẩn bị Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin

Yêu cầu cung cấp thông tin được thể hiện bằng Phiếu yêu

cầu cung cấp thông tin. Người yêu cầu, kể cả yêu cầu qua cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hay người yêu cầu là người nước ngoài, đều phải chuẩn bị Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, thể hiện bằng tiếng Việt với các nội dung chính sau:

- Họ, tên; nơi cư trú hoặc địa chỉ; số chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc số hộ chiếu của người yêu cầu; số fax, điện thoại, địa chỉ thư điện tử (nếu có).

Người yêu cầu cần cung cấp một cách trung thực các thông tin liên quan đến bản thân. Trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin qua cơ quan, tổ chức, cá nhân thì phải điền thông tin của người đại diện và kèm theo danh sách những người cùng yêu cầu.

- Thông tin được yêu cầu cung cấp, trong đó chỉ rõ tên văn bản, hồ sơ, tài liệu.

Để cơ quan cung cấp thông tin có thể xem xét giải quyết một cách thuận tiện và nhanh hơn, người yêu cầu cung cấp thông tin cần miêu tả càng rõ càng tốt thông tin mà mình cần yêu cầu cung cấp là gì. Trường hợp chưa nắm rõ thông tin mình yêu cầu là gì, ít nhất người yêu cầu cũng phải chỉ rõ được tên văn bản, hồ sơ hay tài liệu mà mình yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp.

- Hình thức cung cấp thông tin.

Người yêu cầu cần đưa ra hình thức mà mình mong muốn và đề nghị cơ quan nhà nước cung cấp thông tin theo

hình thức đó. Về cơ bản, cơ quan nhà nước sẽ cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị, trừ trường hợp điều kiện thực tế hay tính chất của thông tin không cho phép hoặc việc cung cấp thông tin theo hình thức mà người yêu cầu đề nghị là kém nhanh chóng, thuận tiện và tốn kém hơn hình thức cung cấp thông tin khác. Trường hợp cơ quan nhà nước cung cấp thông tin dưới hình thức khác hình thức mà người yêu cầu đề nghị thì người yêu cầu sẽ được thông báo, giải thích và thông tin chỉ được cung cấp nếu người yêu cầu đồng ý với hình thức cung cấp thông tin mà cơ quan nhà nước đưa ra.

- Lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin.

Đối với những yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản, lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin cần trình bày ngắn gọn nhưng phải súc tích và đủ ý. Lý do yêu cầu cung cấp thông tin phải thật xác đáng và thuyết phục, đặc biệt đối với trường hợp cần chứng minh vì sao mình không thể tiếp cận được thông tin đang được công khai hay thông tin được yêu cầu cung cấp có liên quan trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người yêu cầu hay yêu cầu cung cấp thông tin liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình... Lý do yêu cầu cung cấp thông tin trình bày rõ ràng, có sức thuyết phục cao cũng là cơ sở quan trọng để cơ quan nhà nước xem xét

liệu việc cung cấp thông tin có mang lại lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng hay không.

Ngoài lý do, mục đích yêu cầu cung cấp thông tin cũng có ý nghĩa quan trọng đối với cơ quan nhà nước khi xử lý yêu cầu cung cấp thông tin. Mục đích yêu cầu được trình bày trung thực, rõ ràng một mặt là cơ sở để cơ quan nhà nước xem xét quyết định việc cung cấp thông tin, mặt khác, góp phần nâng cao trách nhiệm của người yêu cầu trong việc bảo đảm sử dụng thông tin được cung cấp đúng mục đích và phục vụ cho những mục đích chính đáng.

Trong quá trình chuẩn bị Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, nếu thông tin được yêu cầu là thông tin có liên quan đến bí mật kinh doanh, bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình thì người yêu cầu phải gửi kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin văn bản đồng ý của cá nhân, tổ chức có liên quan.

38. Mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin

Mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin dành cho công dân có thể có hình thức và nội dung như sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN
(Dành cho công dân)

Kính gửi:

1. Họ, tên cá nhân yêu cầu cung cấp thông

tin:.....
.....

2. Người đại diện/Người giám hộ¹:.....

3. Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ
chiếu.....cấp ngày/...../.....tại
.....

4. Nơi cư
trú²:.....

5. Số điện thoại³; Fax; E-mail:

6. Tên văn bản/hồ sơ/tài liệu yêu cầu cung cấp:.....

7. Mục đích yêu cầu cung cấp thông tin:.....

8. Yêu cầu cung cấp thông tin này lần thứ:

¹ Theo quy định của Bộ luật Dân sự về người đại diện, người giám hộ đối với người yêu cầu cung cấp thông tin là người chưa thành niên, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi...

a) Lần đầu b) Khác:.....(ghi rõ số lần đã yêu cầu cung cấp thông tin có nội dung nêu trên)

9. Số lượng bản in, sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu:.....

10. Phương thức nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu:

☐ Nhận tại nơi yêu cầu cung cấp thông tin

☐ Nhận qua bưu điện (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

☐ Fax (ghi rõ số fax):.....

☐ Nhận qua mạng điện tử (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

☐ Hình thức khác (ghi rõ):.....

11. Văn bản kèm theo (trong trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện):....

NGƯỜI YÊU CẦU

(Ký, ghi rõ họ tên)

² Ghi nơi cư trú của người đại diện/người giám hộ.

³ Ghi số điện thoại, fax, email của người đại diện/giám hộ.

Mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin dành cho công dân

yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp có thể có hình thức và nội dung như sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

(Dành cho công dân yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)

Kính gửi:

1. Tên tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp:.....
2. Người đại diện của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp²:....
3. Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu.....cấp ngày/...../.....tại
.....
4. Địa chỉ trụ sở của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp:.....
5. Số điện thoại³; Fax; E-mail:
6. Tên văn bản/hồ sơ/tài liệu yêu cầu cung cấp:.....

² Theo quy định của Bộ luật Dân sự về người đại diện của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

³ Ghi số điện thoại, fax, email của người đại diện yêu cầu cung cấp thông tin.

7. Mục đích yêu cầu cung cấp thông tin:.....

8. Yêu cầu cung cấp thông tin này lần thứ:

a) Lần đầu b) Khác:.....(ghi rõ số lần đã yêu cầu cung cấp thông tin có nội dung nêu trên)

9. Số lượng bản in, sao, chụp văn bản, hồ sơ, tài liệu:.....

10. Phương thức nhận văn bản, hồ sơ, tài liệu:

☐ Nhận tại nơi yêu cầu cung cấp thông tin

☐ Nhận qua bưu điện (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

☐ Fax (ghi rõ số fax):.....

☐ Nhận qua mạng điện tử (ghi rõ địa chỉ nhận):.....

☐ Hình thức khác (ghi rõ):.....

11. Văn bản kèm theo (trong trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện):....

NGƯỜI YÊU CẦU³

(Ký, ghi rõ họ tên)

³ Người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp đó.

39. Mẫu văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân

Văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân có thể được chuẩn bị theo mẫu sau:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

VĂN BẢN CHẤP THUẬN⁴

Tên tôi
là:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày/...../..... tại

Nơi cư
trú:.....

⁴¹ Dành cho trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện theo quy định tại Điều 7 Luật Tiếp cận thông tin.

Số điện thoại:.....Fax.....
Email:.....

Là chủ sở hữu bí mật kinh doanh/Là chủ sở hữu thông tin
liên quan đến bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân/Là
thành viên của gia đình có thông tin liên quan tại văn bản/hồ
sơ/tài
liệu:.....

Đồng ý đề Ông/Bà:.....
Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày...../...../..... tại
.....

Nơi cư trú:
.....

Số điện thoại:
Email:.....

Được tiếp cận thông tin tại văn bản/hồ
sơ/tài liệu nêu trên.

**XÁC NHẬN CỦA UBND CẤP XÃ NGƯỜI CHẤP
THUẬN**

(Xác nhận chữ ký của người chấp thuận) (Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Trường hợp văn bản chấp thuận của tổ chức, doanh nghiệp thì người đại diện ký, đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp đó mà không cần xác nhận của UBND cấp xã.

2. Cơ quan cung cấp thông tin có thể tách thành 03 mẫu văn bản chấp thuận tương ứng với từng trường hợp tiếp cận thông tin có điều kiện.

40. Nhận Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

Sau khi nhận được Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước được yêu cầu sẽ lập Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin và giao cho người yêu cầu. Phiếu này được lập làm hai bản, một bản giao cho người yêu cầu, một bản lưu tại cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin. Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin có thể có hình thức và nội dung như sau:

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI⁵ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số:... /..... ..., ngày tháng năm.....

⁵ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

**PHIẾU TIẾP NHẬN YÊU CẦU
CUNG CẤP THÔNG TIN⁶**

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Tiếp nhận Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin của Ông/Bà³:...

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày /...../..... tại
.....

Nơi cư trú:
.....

Số điện thoại: Fax:.....
Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài liệu:.....

Hình thức cung cấp thông tin:.....

Văn bản kèm theo Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin gồm⁴:

⁶ Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin được lập thành 2 bản; một bản lưu tại cơ quan, đơn vị đầu mối cung cấp thông tin; một bản giao cho cá nhân, tổ chức yêu cầu cung cấp thông tin.

1.....

2.....

3.....

Vào Sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu, Quyển số:.../năm Số thứ tự.....

NGƯỜI TIẾP NHẬN PHIẾU

(Ký và ghi rõ họ tên)

³ Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

⁴ Là những văn bản kèm theo trong trường hợp cung cấp thông tin có điều kiện.

41. Nhận Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin

Trên cơ sở kết quả xem xét yêu cầu cung cấp thông tin, căn cứ vào tính chất, khối lượng của thông tin (số lượng văn bản, hồ sơ, tài liệu), hình thức cung cấp thông tin (gửi trực tiếp, qua mạng điện tử hoặc dịch vụ bưu chính, fax) mà cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin ra thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán.

Văn bản thông báo của cơ quan nhà nước về việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin mà người yêu cầu nhận có thể được thể hiện dưới hình thức và nội dung như sau:

TÊN CƠ QUAN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI⁷ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /..... , ngày tháng năm.....

**PHIẾU GIẢI QUYẾT YÊU CẦU
CUNG CẤP THÔNG TIN**

Kính gửi:
Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Nhận được đề nghị của Ông/Bà²:.....
Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày/...../..... tại

Nơi cư trú:
.....
Số điện thoại:.....Fax.....
Email:.....

⁷ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài liệu:.....

Cơ quan/Đơn vị đầu mối cung cấp thông tin thông báo về việc cung cấp thông tin do Ông/Bà yêu cầu như sau:

Hình thức cung cấp thông tin:.....

Địa điểm cung cấp thông tin (trong trường hợp cung cấp thông tin tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin):.....

Chi phí cung cấp thông tin (nếu có):.....

Phương thức thanh toán (nếu có):.....

Thời hạn thanh toán (nếu có):.....

Ngày cung cấp thông tin:.....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI
CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan/
đơn vị đầu mối cung cấp thông tin³)*

² Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

³ Trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

Lưu ý: Không phải trong mọi trường hợp người yêu cầu đều nhận được thông báo của cơ quan nhà nước về việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Nếu yêu cầu cung cấp thông tin đơn giản, có sẵn, việc cung cấp thông tin không làm phát

sinh chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin thì cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin có thể cung cấp ngay thông tin cho người yêu cầu mà không cần gửi thông báo cho người yêu cầu. Trong trường hợp thông tin chưa thể cung cấp được ngay thì người yêu cầu sẽ nhận được Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, trong đó nêu rõ không có chi phí tiếp cận thông tin.

42. Nhận Thông báo gia hạn cung cấp thông tin

Trong trường hợp cơ quan nhà nước xét thấy cần có thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin và không thể cung cấp thông tin cho công dân trong thời hạn quy định thì cơ quan có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu về việc gia hạn cung cấp thông tin trước khi hết thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

Văn bản Thông báo của cơ quan nhà nước gửi người yêu cầu về việc gia hạn cung cấp thông tin có thể được thể hiện dưới hình thức và nội dung sau:

**TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI⁸

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

⁸ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

Số:..... /.....

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

Kính gửi:.....

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Nhân được Phiếu yêu cầu của

Ông/Bà⁹.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu

ngày...../...../...

tại

.....

Noi cur

trú:.....

Số điện thoại:Fax.....

Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài

liêu:.....

Ngày/tháng/năm nhận Phiếu yêu cầu:.....

⁹ Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

Cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin thông báo về việc gia hạn cung cấp thông tin do Ông/Bà yêu cầu vì lý do.....

Thời gian gia hạn cung cấp thông tin:.....

Thời gian cung cấp thông tin sau khi gia hạn:.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI CUNG CẤP THÔNG TIN

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan/đơn vị
đầu mối cung cấp thông tin³)*

43. Các trường hợp người yêu cầu có thể được cơ quan nhà nước cung cấp ngay, cung cấp nhanh thông tin

Với mục đích tạo điều kiện tối đa cho công dân trong việc tiếp cận thông tin theo yêu cầu và tăng cường trách nhiệm của cơ quan cung cấp thông tin đối với các yêu cầu chính đáng của công dân, Luật Tiếp cận thông tin quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước phải cung cấp ngay thông tin cho công dân trong những trường hợp thông tin đơn giản, có sẵn. Các quy định của Luật về cung cấp thông tin theo yêu cầu được xây dựng trên tinh thần yêu cầu cung cấp thông tin của công dân phải được giải quyết càng sớm càng tốt. Trong trường

hợp pháp luật và thực tế cho phép, yêu cầu cung cấp thông tin của công dân được cơ quan nhà nước xem xét nhanh chóng giải quyết.

³ Trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

Việc nhanh chóng giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin được hiểu là cơ quan nhà nước xử lý yêu cầu cung cấp thông tin ngay, không trì hoãn mà không có lý do. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan nhà nước phải xem xét tất cả các vấn đề liên quan đến yêu cầu cung cấp thông tin cụ thể và giải quyết yêu cầu đó một cách nhanh nhất có thể. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là yêu cầu cung cấp thông tin của công dân phải được giải quyết ngay lập tức, bởi vì cơ quan nhà nước còn phải thực hiện các nhiệm vụ khác cũng như giải quyết các yêu cầu cung cấp thông tin đã nhận được trước đó.

Ngoài tiêu chí thông tin đơn giản, có sẵn để cung cấp ngay thông tin như quy định của Luật Tiếp cận thông tin, một số tiêu chí khác như khối lượng, tính chất của thông tin được yêu cầu, thời gian cần thiết để xử lý yêu cầu, thời gian người yêu cầu cần thông tin sẽ được cân nhắc kỹ để cung cấp thông tin theo yêu cầu một cách nhanh chóng.

44. Tiếp nhận thông tin được cung cấp trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin

Cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin là một trong những hình thức cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân. Về cơ bản, công dân được đề nghị hình thức nhận thông tin được cung cấp theo yêu cầu. Tuy nhiên, hình thức cung cấp thông tin trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin được lựa chọn dựa trên điều kiện, nhu cầu của người yêu cầu cũng như tính chất, đặc điểm của thông tin được cung cấp. Chẳng hạn, nếu thông tin không thể sao chép để cung cấp bằng các hình thức khác thì việc cung cấp thông tin trực tiếp tại cơ quan là lựa chọn duy nhất.

Theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin đến trụ sở cơ quan yêu cầu cung cấp thông tin có thể được cung cấp ngay đối với thông tin đơn giản, có sẵn. Theo đó, đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì người yêu cầu cung cấp thông tin được trực tiếp đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc yêu cầu cung cấp ngay bản sao, bản chụp tài liệu phù hợp với hình thức chứa đựng thông tin.

Trong trường hợp thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì

chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo cho người yêu cầu đến trụ sở để đọc, xem, nghe, ghi chép, sao chép, chụp tài liệu hoặc nhận bản sao, bản chụp tài liệu hoặc có văn bản thông báo về việc từ chối cung cấp thông tin.

Trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin đề nghị cung cấp bản sao, bản chụp tài liệu mà việc đáp ứng yêu cầu này làm phát sinh chi phí in ấn, sao chụp tài liệu thì người yêu cầu cung cấp thông tin phải trả chi phí thực tế phát sinh cho việc in ấn, sao chụp tài liệu.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

45. Tiếp nhận thông tin được cung cấp qua mạng điện tử

Trường hợp người yêu cầu đề nghị cơ quan nhà nước cung cấp thông tin qua mạng điện tử hoặc cơ quan nhà nước cho rằng đây là hình thức cung cấp thông tin phù hợp nhất và người yêu cầu cũng có điều kiện tiếp nhận thông tin được cung cấp qua mạng điện tử thì thông tin được cung cấp qua mạng điện tử.

Theo Luật Tiếp cận thông tin, thông tin được cung cấp cho người yêu cầu thông qua mạng điện tử khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Thông tin được yêu cầu phải là thông tin thuộc tập tin có sẵn và có thể truyền tải qua mạng điện tử.

Cơ quan nhà nước chỉ cung cấp qua mạng điện tử khi thông tin được chứa đựng trong bản điện tử có sẵn. Trong trường hợp thông tin được chứa đựng dưới hình thức không phải tập tin điện tử thì cơ quan nhà nước không có trách nhiệm chuyển đổi hình thức chứa đựng thông tin để cung cấp theo đề nghị của người yêu cầu. Chẳng hạn, thông tin được chứa đựng trong văn bản giấy mà người yêu cầu đề nghị hình thức cung cấp thông tin qua mạng điện tử thì cơ quan nhà nước không có trách nhiệm phải scan văn bản giấy thành bản điện tử để cung cấp cho người yêu cầu. Tùy theo điều kiện thực tế của cơ quan, cơ quan nhà nước có thể scan văn bản giấy để cung cấp bản điện tử theo hình thức người yêu cầu mong muốn nhằm tạo thuận lợi cho người yêu cầu nhưng người yêu cầu có thể phải trả chi phí cho việc scan văn bản đó.

- Cơ quan nhà nước có đủ điều kiện về kỹ thuật để cung cấp thông tin được yêu cầu qua mạng điện tử.

Cung cấp thông tin qua mạng điện tử đòi hỏi phải được thực hiện trong những điều kiện kỹ thuật cho phép nhất định. Trong khi đó, các cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp

thông tin có quy mô tổ chức và tính chất hoạt động rất khác nhau. Điều kiện trang bị về kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng rất khác nhau. Vì vậy, trong trường hợp điều kiện kỹ thuật và hạ tầng công nghệ thông tin của cơ quan không cho phép việc cung cấp thông tin qua mạng điện tử thì mặc dù thông tin được chứa đựng trong bản điện tử có sẵn thì hình thức này cũng không được áp dụng.

Việc tiếp nhận thông tin qua mạng điện tử được thực hiện bằng các cách thức sau đây:

- Nhận tập tin đính kèm thư điện tử do cơ quan cung cấp thông tin gửi.

Để có thể tiếp nhận thông tin qua cách thức này, người yêu cầu cần cung cấp địa chỉ thư điện tử để cơ quan nhà nước gửi thông tin. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc tiếp nhận thông tin qua thư điện tử cũng có hạn chế vì phổ biến các tài khoản thư điện tử có giới hạn dung lượng thông tin điện tử cho mỗi lần gửi và nhận thư.

- Nhận mã truy cập một lần đến thông tin được cơ quan nhà nước cung cấp.

Cách thức này thường được áp dụng đối với thông tin có thể khai thác trên môi trường mạng (đã được lưu giữ sẵn trên môi trường mạng hoặc cơ quan nhà nước đăng tải lên môi trường mạng), cho phép người yêu cầu được truy cập và tiếp

cận thông tin một lần duy nhất. Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể và điều kiện thực tế, người yêu cầu có thể được phép tải thông tin về máy tính, thiết bị cá nhân khác hoặc được phép tải về máy tính, thiết bị cá nhân khác nhưng tài liệu có thể chỉ khả dụng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc không giới hạn thời gian khả dụng.

- Nhận chỉ dẫn địa chỉ truy cập để tải thông tin được cơ quan nhà nước cung cấp.

Cách thức này thường được áp dụng đối với thông tin có thể khai thác trên môi trường mạng (đã được lưu giữ sẵn trên môi trường mạng hoặc cơ quan nhà nước đăng tải lên môi trường mạng), cho phép người yêu cầu có thể được truy cập nhiều lần, có thể giới hạn hoặc không giới hạn thời hạn truy cập.

Tùy thuộc vào từng trường hợp cụ thể và điều kiện thực tế, cơ quan nhà nước có thể cho phép người yêu cầu được tải thông tin về máy tính, thiết bị cá nhân khác hay không hoặc cho phép tải về máy tính, thiết bị cá nhân khác nhưng tài liệu có thể chỉ khả dụng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc không giới hạn thời gian khả dụng.

Thời hạn cung cấp thông tin qua mạng điện tử được quy định như sau:

+ Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu

cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

+ Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

46. Tiếp nhận thông tin được cung cấp qua dịch vụ bưu chính, fax

Việc cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax được áp dụng trong trường hợp người yêu cầu cung cấp thông tin có yêu cầu cách thức cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc khi cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin xác định đây là cách thức phù hợp, thuận lợi nhất đối với thông tin được yêu cầu.

Đối với yêu cầu cung cấp thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax thì yêu cầu đó được xử lý và thực hiện như sau:

- Người yêu cầu được cơ quan nhà nước thông báo về việc giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin.

Trong thời hạn chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải có thông báo về thời hạn, địa điểm, hình thức cung cấp thông tin; chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax (nếu có) và phương thức, thời hạn thanh toán.

- Người yêu cầu thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax theo thông báo của cơ quan nhà nước. Trường hợp người yêu cầu không thanh toán phí thì được coi là cơ sở để cơ quan nhà nước từ chối cung cấp thông tin.

- Cơ quan nhà nước cung cấp thông tin cho người yêu cầu.

- + Đối với thông tin đơn giản, có sẵn có thể cung cấp ngay thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ (và sau khi có bằng chứng về việc người yêu cầu đã thanh toán chi phí), cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin.

- + Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp từ các bộ phận của cơ quan đó hoặc thông tin cần thiết phải có ý kiến của cơ quan, tổ chức, đơn vị khác thì chậm nhất

là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải thông báo bằng văn bản về thời hạn giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin.

Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ, cơ quan được yêu cầu phải cung cấp thông tin hoặc có văn bản thông báo từ chối cung cấp thông tin.

Trường hợp cơ quan được yêu cầu cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin.

47. Yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối

Khi thuộc một trong các trường hợp sau thì yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối:

- Thông tin được yêu cầu thuộc loại thông tin không được tiếp cận hoặc không đáp ứng được các điều kiện đối với loại thông tin được tiếp cận có điều kiện.

Các thông tin thuộc loại không được tiếp cận, tiếp cận có điều kiện được Luật Tiếp cận thông tin quy định đã được tính toán cân nhắc trên cơ sở tôn trọng và sự cần thiết bảo vệ bí mật các thông tin có ảnh hưởng quan trọng tới chính trị, quốc phòng, an ninh quốc gia, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ cũng như lợi ích của Nhà nước và Nhân dân.

Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin, cơ quan được yêu cầu cung cấp thông tin cần xác định thông tin thuộc loại nào để có hướng xử lý phù hợp, cung cấp toàn bộ, một phần (sau khi loại bỏ thông tin mật) hoặc từ chối việc cung cấp thông tin. Từ chối cung cấp thông tin được áp dụng khi cơ quan nhà nước cho rằng việc cung cấp thông tin là không có lợi, có thể gây hại cho các lợi ích hợp pháp mà pháp luật bảo vệ hoặc không được cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thông tin đồng ý.

- Thông tin được yêu cầu là các thông tin phải được công khai, trừ trường hợp thông tin trong thời hạn công khai nhưng chưa được công khai, thông tin hết thời hạn công khai theo quy định của pháp luật, thông tin đang được công khai nhưng vì lý do bất khả kháng người yêu cầu không thể tiếp cận được.

Quy định của Luật Tiếp cận thông tin một mặt góp phần làm giảm áp lực khối lượng công việc đối với cơ quan nhà nước, bảo đảm mục đích, ý nghĩa của các quy định về công khai thông tin, làm cho nguồn thông tin đã công bố, công khai được khai thác và tận dụng tối đa. Mặt khác góp phần tránh tình trạng người dân tốn thời gian, công sức để yêu cầu cung cấp thông tin đang được công khai rộng rãi mà họ có thể khai thác, tiếp cận một cách tự do.

- Thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan được yêu cầu.

Nhìn chung, thông tin được yêu cầu không thuộc trách nhiệm cung cấp của cơ quan được yêu cầu khi:

- + Thông tin được yêu cầu không phải do cơ quan được yêu cầu đó tạo ra;

- + Thông tin được yêu cầu không phải là thông tin do cơ quan được yêu cầu nắm giữ để cung cấp thông tin thay cho cơ quan tạo ra thông tin;

- + Thông tin được yêu cầu không thuộc loại thông tin cung cấp theo yêu cầu.

- Thông tin đã được cung cấp hai lần cho chính người yêu cầu, trừ trường hợp người yêu cầu có lý do chính đáng.

Mục đích của quy định này là bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người dân nhưng cũng nâng cao trách nhiệm của họ trong việc lưu giữ và sử dụng thông tin đã được cung cấp. Đồng thời, quy định của Luật cũng nhằm giảm tải trách nhiệm cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, tránh tình trạng cơ quan nhà nước phải đầu tư nguồn lực vào việc đáp ứng những yêu cầu lặp lại một cách không cần thiết, không chính đáng trong điều kiện cơ quan còn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ, trách nhiệm khác.

- Thông tin được yêu cầu vượt quá khả năng đáp ứng hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước.

Tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn và một trong những giới hạn đó là việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin phải bảo đảm hài hòa cân đối với các lợi ích khác được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Nhà nước tạo điều kiện tốt nhất có thể để công dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin nhưng bên cạnh đó Nhà nước cũng có trách nhiệm bảo đảm hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các nhiệm vụ khác trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trên tinh thần đó, cơ quan nhà nước có trách nhiệm đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin của công dân, nhưng với điều kiện việc cung cấp thông tin phải phù hợp với khả năng đáp ứng của cơ quan về điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật và nhân lực, việc cung cấp thông tin phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước. Trường hợp phân tích, đánh giá cho thấy việc đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin vượt quá khả năng hoặc cản trở hoạt động bình thường của cơ quan nhà nước thì yêu cầu cung cấp thông tin sẽ bị từ chối.

- Người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí.

Trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin có phát sinh chi phí mà người yêu cầu cung cấp thông tin không thanh toán chi phí thực tế để in, sao, chụp, gửi thông tin qua dịch vụ bưu chính, fax thì cơ quan nhà nước được yêu cầu từ chối việc

cung cấp thông tin.

48. Văn bản từ chối yêu cầu cung cấp thông tin

Nhìn chung, cơ quan nhà nước phải nỗ lực, tích cực trong việc cung cấp thông tin. Tuy nhiên, trong trường hợp thông tin được yêu cầu thuộc trường hợp từ chối thì phải thông báo cho người yêu cầu bằng văn bản về việc từ chối và lý do từ chối cung cấp thông tin. Văn bản từ chối cung cấp thông tin được chuẩn bị theo mẫu Thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin.

Trong văn bản từ chối yêu cầu cung cấp thông tin phải nêu rõ lý do từ chối, giải thích rõ tại sao thông tin không thể cung cấp, các cơ sở pháp lý và thực tế của việc từ chối yêu cầu cung cấp thông tin cũng được nêu rõ.

Thông báo từ chối cung cấp thông tin mà người yêu cầu được cơ quan nhà nước gửi có thể được thể hiện dưới hình thức và nội dung sau:

TÊN CƠ QUAN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI¹⁰ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /.....

....., ngày tháng năm.....

THÔNG BÁO

¹⁰ Trường hợp cơ quan cung cấp thông tin phân công đơn vị đầu mối.

TỪ CHỐI YÊU CẦU CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi:.....

Tên cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin:.....

Nhận được Phiếu yêu cầu của Ông/Bà²
:.....

Số CMTND/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu
cấp ngày......./...../... tại
.....

Nơi cư trú:.....

Số điện thoại: Fax.....

Email:.....

Yêu cầu cung cấp văn bản/hồ sơ/tài
liệu:.....

Ngày/tháng/năm/ nhận Phiếu yêu cầu:.....

Cơ quan/đơn vị đầu mối cung cấp thông tin thông báo về
việc từ chối cung cấp thông tin do Ông/Bà yêu cầu vì lý do....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐẦU MỐI
CUNG CẤP THÔNG TIN**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu cơ quan/đơn vị đầu mối
cung cấp thông tin³)*

² Tên của người đại diện trong trường hợp cung cấp thông tin cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp.

³ Trường hợp đơn vị đầu mối cung cấp thông tin không có con dấu riêng thì sử dụng con dấu của cơ quan cung cấp thông tin.

49. Ý nghĩa, mục đích của quy định từ chối cung cấp thông tin phải thể hiện bằng văn bản

Luật Tiếp cận thông tin quy định cơ quan nhà nước phải thông báo về việc từ chối yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản một mặt bảo đảm tính công khai, minh bạch trong hoạt động cung cấp thông tin của cơ quan nhà nước, mặt khác bảo vệ quyền của người yêu cầu cung cấp thông tin. Trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối, người yêu cầu có quyền khiếu nại, khiếu kiện văn bản từ chối của cơ quan nhà nước để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Để có cơ sở cho người yêu cầu khiếu nại, khiếu kiện thì việc từ chối đó phải được thể hiện bằng văn bản. Việc nêu rõ lý do từ chối là rất cần thiết để người yêu cầu cân nhắc việc có khiếu nại, khiếu kiện hay không;

đồng thời cũng sẽ là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết khiếu nại, khiếu kiện nếu như có khiếu nại, khiếu kiện của người yêu cầu.

50. Xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác

Trong trường hợp phát hiện thông tin được cung cấp theo yêu cầu không chính xác thì việc xử lý được thực hiện theo trình tự và thời hạn như sau:

Nếu cơ quan cung cấp thông tin tự phát hiện ra mình đã cung cấp thông tin không chính xác thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện, cơ quan cung cấp thông tin thực hiện việc đính chính và cung cấp lại thông tin cho công dân, trừ trường hợp cơ quan nhà nước đã cung cấp thông tin không chính xác là Ủy ban nhân dân cấp xã thì sẽ thực hiện theo quy định riêng.

Nếu người yêu cầu cung cấp thông tin cho rằng thông tin được cung cấp là không chính xác thì có quyền yêu cầu cơ quan đã cung cấp thông tin cung cấp lại thông tin chính xác. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho người yêu cầu; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải đính chính và cung cấp lại thông tin, trừ trường hợp cơ quan đã cung

cấp thông tin không chính xác là Ủy ban nhân dân cấp xã thì sẽ thực hiện theo quy định riêng.

Trong trường hợp thông tin do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp không chính xác: Nếu Ủy ban nhân dân cấp xã không thể xác định được tính chính xác của thông tin do mình nắm giữ thì chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện hoặc nhận được đề nghị của người yêu cầu cung cấp thông tin, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đề nghị cơ quan tạo ra thông tin xem xét. Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị, cơ quan tạo ra thông tin phải xác định tính chính xác của thông tin và trả lời cho Ủy ban nhân dân cấp xã; nếu thông tin đã cung cấp không chính xác thì phải gửi kèm theo thông tin chính xác.

Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời, Ủy ban nhân dân cấp xã phải đính chính lại thông tin hoặc thông báo cho người yêu cầu cung cấp thông tin biết.

51. Thực hiện quyền khiếu nại trong tiếp cận thông tin

Luật Tiếp cận thông tin quy định người yêu cầu có quyền khiếu nại đối với cơ quan, người có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 9 của Luật.

Khiếu nại trong tiếp cận thông tin được hiểu là việc người yêu cầu cung cấp thông tin đề nghị cơ quan nhà

nước, người có trách nhiệm cung cấp thông tin xem xét lại quyết định, hành vi hành chính liên quan đến bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó là trái pháp luật, xâm phạm quyền tiếp cận thông tin của mình.

Khi có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi là trái pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền tiếp cận thông tin của mình thì người yêu cầu cung cấp thông tin (người khiếu nại) khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại của người khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Việc khiếu nại được thực hiện bằng đơn khiếu nại hoặc

khieu nại trực tiếp. Trường hợp khieu nại được thực hiện bằng đơn thì trong đơn khieu nại phải ghi rõ ngày, tháng, năm khieu nại; tên, địa chỉ của người khieu nại; tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khieu nại; nội dung, lý do khieu nại, tài liệu liên quan đến nội dung khieu nại và yêu cầu giải quyết của người khieu nại. Đơn khieu nại phải do người khieu nại ký tên hoặc điểm chỉ. Trường hợp người khieu nại đến khieu nại trực tiếp thì người tiếp nhận khieu nại hướng dẫn người khieu nại viết đơn khieu nại hoặc người tiếp nhận ghi lại việc khieu nại bằng văn bản và yêu cầu người khieu nại ký tên hoặc điểm chỉ xác nhận vào văn bản, trong đó ghi rõ nội dung theo quy định như nội dung đơn khieu nại.

Thời hiệu khieu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. Trường hợp người khieu nại không thực hiện được quyền khieu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, địch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác thì thời gian có trở ngại đó không tính vào thời hiệu khieu nại.

52. Thực hiện quyền khởi kiện trong tiếp cận thông tin

Theo Luật Tiếp cận thông tin, người yêu cầu cung cấp thông tin được khởi kiện đối với cơ quan nhà nước, người có

trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 9 của Luật. Việc khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

Theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể. Quyết định hành chính bị kiện là quyết định hành chính mà quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Như vậy, dưới góc độ của Luật Tiếp cận thông tin, quyết định mà người yêu cầu có thể khởi kiện là Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin, Thông báo gia hạn cung cấp thông tin, Thông báo từ chối yêu cầu cung cấp thông tin.

Luật Tố tụng hành chính cũng quy định, hành vi hành chính là hành vi của cơ quan hành chính nhà nước hoặc của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật. Hành vi hành chính bị

kiện là hành vi hành chính mà hành vi đó làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Dưới góc độ của Luật Tiếp cận thông tin, hành vi mà người yêu cầu có thể khởi kiện là hành vi của cơ quan nhà nước cung cấp thông tin hoặc người làm nhiệm vụ cung cấp thông tin thực hiện hoặc không thực hiện nhiệm vụ xử lý và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin của người yêu cầu.

Thẩm quyền của Tòa án cũng như trình tự, thủ tục khởi kiện được quy định rõ trong Luật Tổ tụng hành chính và để thực hiện quyền khởi kiện của mình một cách hiệu quả, người yêu cầu nên đọc kỹ văn bản này trước khi tiến hành khởi kiện cơ quan, người có trách nhiệm cung cấp thông tin.

53. Thực hiện quyền tố cáo trong tiếp cận thông tin

Luật Tiếp cận thông tin quy định: công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin.

Theo quy định của Luật Tố cáo, tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật Tố cáo quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích

hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức.

Tổ cáo hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ là việc công dân báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ.

Tổ cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực là việc công dân báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đối với việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực.

Như vậy, từ góc độ Luật Tiếp cận thông tin, tố cáo là việc công dân theo thủ tục do Luật Tố cáo quy định báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền biết về hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin của bất cứ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, cơ quan, tổ chức. Việc tố cáo bao gồm tố cáo hành vi vi phạm pháp luật tiếp cận thông tin của cơ quan nhà nước, người có trách nhiệm cung cấp thông tin trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin; tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiếp cận thông tin.

Quyền và nghĩa vụ của người tố cáo và người bị tố cáo,

thẩm quyền và trình tự giải quyết tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Tố cáo.

54. Sử dụng thông tin được tiếp cận

Theo tinh thần của Luật Tiếp cận thông tin, khi quyền tiếp cận thông tin được bảo đảm, công dân được tiếp cận thông tin không đồng nghĩa với việc họ được tự do sử dụng thông tin mà không bị một giới hạn nào.

Xét về mặt thực tế, việc tiếp cận thông tin của công dân là xuất phát từ nhu cầu sử dụng thông tin phục vụ cho các mục đích của người yêu cầu. Vì vậy, vấn đề cần đặt ra là công dân cần ý thức được họ được sử dụng những thông tin đã được tiếp cận như thế nào.

Về mặt nguyên tắc, công dân được sử dụng thông tin vào mục đích chính đáng và hợp pháp nhằm phục vụ cho các nhu cầu của họ mà không bị pháp luật ngăn cấm. Để phục vụ cho các mục đích này, công dân có thể được quyền tự do đọc, nghiên cứu thông tin, trích dẫn hay dẫn chiếu thông tin mà không bị giới hạn, trừ trường hợp thông tin được tiếp cận có điều kiện. Tuy nhiên, nếu như công dân muốn sử dụng thông tin mình đã được tiếp cận dưới hình thức sao chép thông tin, xuất bản hoặc sử dụng thông tin với mục đích thương mại thì cần tuân thủ các quy định về bản quyền và phải thực hiện việc xin phép.

Ngoài ra, khi sử dụng thông tin được tiếp cận, công dân cần nghiêm túc quán triệt không sử dụng vào các mục đích phi pháp hoặc gây ảnh hưởng xấu đến giá trị đạo đức, thuần phong mỹ tục. Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý không được làm sai lệch nội dung thông tin vì đó là một trong những nghĩa vụ của công dân trong tiếp cận thông tin.

55. Thời điểm có hiệu lực của Luật Tiếp cận thông tin

Luật Tiếp cận thông tin được thông qua ngày 06/4/2016 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2018. Như vậy, tính từ thời điểm ban hành đến khi có hiệu lực là hơn 2 năm.

Việc quy định thời điểm Luật có hiệu lực thi hành như trên là bởi vì Luật Tiếp cận thông tin là văn bản đầu tiên quy định trách nhiệm của cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong việc cung cấp thông tin cho người dân với phạm vi thông tin lớn, đa dạng các lĩnh vực. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, bảo đảm tốt quyền tiếp cận thông tin của công dân thì các cơ quan nhà nước cần có thời gian chuẩn bị các điều kiện bảo đảm thi hành Luật (rà soát, phân loại thông tin được cung cấp và không được cung cấp; số hóa thông tin để cung cấp trên trang thông tin điện tử của cơ quan, trang bị các phương tiện, cơ sở vật chất phục vụ việc cung cấp thông tin; tăng cường nhận thức, nâng cao trình độ và bồi dưỡng cán bộ

làm công tác cung cấp thông tin để bảo đảm việc cung cấp thông tin được kịp thời và chính xác theo quy định của Luật...).

MỤC LỤC

Lời giới thiệu

1. Quyền tiếp cận thông tin và việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin
2. Nội dung của Luật Tiếp cận thông tin
3. Lợi ích của việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin
4. Các văn bản quy phạm pháp luật có quy định về việc tiếp cận thông tin và việc áp dụng Luật Tiếp cận thông tin
5. Nguyên tắc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin
6. Tiếp cận thông tin là một quyền có giới hạn
7. Điều kiện của việc giới hạn quyền tiếp cận thông tin

8. Khái niệm thông tin

9. Khái niệm thông tin do cơ quan nhà nước tạo ra

10. Những loại thông tin công dân được tiếp cận

11. Những loại thông tin công dân không được tiếp cận

12. Những loại thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện

13. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm cung cấp thông tin

14. Quyền tiếp cận thông tin được quy định đối với công dân

15. Công dân được yêu cầu cung cấp thông tin qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp

16. Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người sinh sống ở khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin

17. Các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật thực hiện quyền tiếp cận thông tin

18. Người nước ngoài được yêu cầu cung cấp thông tin trong một số trường hợp cụ thể

19. Cách thức tiếp cận thông tin

20. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc

tiếp cận thông tin

21. Các hành vi bị nghiêm cấm

22. Chi phí tiếp cận thông tin

23. Xử lý vi phạm trong bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

24. Cơ chế giám sát việc bảo đảm thực hiện quyền tiếp cận thông tin

25. Những thông tin mà cơ quan nhà nước công khai để công dân tự do tìm kiếm, tiếp cận

26. Tiếp cận thông tin được công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử

27. Tiếp cận thông tin được công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng

28. Tiếp cận thông tin được đăng Công báo

29. Tiếp cận thông tin được niêm yết

30. Tiếp cận thông tin được công khai qua các hình thức công khai thông tin khác

31. Thời điểm thông tin được công khai

32. Xử lý thông tin công khai không chính xác và vai trò của công dân trong phát hiện thông tin công khai không chính xác

33. Những thông tin công dân được yêu cầu cơ

quan nhà nước cung cấp theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin

34. Thông tin công dân được yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác

35. Thông tin mà cơ quan nhà nước tự quyết định cung cấp theo yêu cầu

36. Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin

37. Chuẩn bị Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin

38. Mẫu Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin

39. Mẫu văn bản chấp thuận của tổ chức, cá nhân

40. Nhận Phiếu tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin

41. Nhận Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin

42. Nhận Thông báo gia hạn cung cấp thông tin

43. Các trường hợp người yêu cầu có thể được cơ quan nhà nước cung cấp ngay, cung cấp nhanh thông tin

44. Tiếp nhận thông tin được cung cấp trực tiếp tại trụ sở cơ quan cung cấp thông tin

45. Tiếp nhận thông tin được cung cấp qua mạng điện tử

46. Tiếp nhận thông tin được cung cấp qua dịch vụ bưu chính, fax

47. Yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối

48. Văn bản từ chối yêu cầu cung cấp thông tin

49. Ý nghĩa, mục đích của quy định từ chối cung cấp thông tin phải thể hiện bằng văn bản

50. Xử lý thông tin cung cấp theo yêu cầu không chính xác

51. Thực hiện quyền khiếu nại trong tiếp cận thông tin

52. Thực hiện quyền khởi kiện trong tiếp cận thông tin

53. Thực hiện quyền tố cáo trong tiếp cận thông tin

54. Sử dụng thông tin được tiếp cận

55. Thời điểm có hiệu lực của Luật Tiếp cận thông tin

